

HỘ KINH DOANH DƯƠNG VĂN VIỆT



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRUYỀN THỐNG KẾT HỢP
CHĂN NUÔI GÀ THEO PHƯƠNG PHÁP CÔNG NGHIỆP
Địa chỉ: Thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh, năm 2024

HỘ KINH DOANH DƯƠNG VĂN VIỆT



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRUYỀN THỐNG KẾT HỢP
CHĂN NUÔI GÀ THEO PHƯƠNG PHÁP CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ CƠ SỞ

HỘ KINH DOANH
DƯƠNG VĂN VIỆT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Lê Khắc Thái

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH TMDV VÀ TƯ VẤN
MÔI TRƯỜNG HOÀNG MINH

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Hoàng Long

Hà Tĩnh, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH	vi
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vii
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
2.1. Tên cơ sở	1
2.2. Địa điểm cơ sở	1
2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:	4
2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	4
2.5. Quy mô của cơ sở	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	5
3.1. Công suất của cơ sở	5
3.2. Công nghệ chăn nuôi của cơ sở	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	13
4.1. Nguyên liệu, vật liệu	13
4.1. Chế phẩm sinh học	15
4.3. Nguồn cung cấp điện	15
4.4. Nguồn cung cấp nước	16
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	18
5.1. Tổng mức đầu tư của cơ sở	18
5.2. Sơ đồ tổ chức và quản lý	19

5.4. Môi trường quan giữa vị trí của cơ sở và các đối tượng xung quanh	19
5.5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật	21
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	24
1.1. Đối với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.....	24
1.2. Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia	24
1.3. Đối với quy hoạch tỉnh.....	24
1.4. Đối với phân vùng môi trường	25
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	25
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	26
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	26
1.2. Thu gom, thoát nước thải	27
1.3. Xử lý nước thải	28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	28
2.1. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển thức ăn, xuất bán sản phẩm, gà đẻ thải loại sau 1 năm nuôi và đệm lót sinh học.....	28
2.2. Đối với mùi hôi, khí thải từ khu vực chuồng nuôi	29
2.3. Đối với khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.....	30
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	30
3.1. Khối lượng phát sinh.....	30
3.2. Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý	31
3.3. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường.....	34
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	34
4.1. Khối lượng phát sinh.....	34
4.2. Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý	35

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	36
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	37
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải	37
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải	37
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác	38
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	47
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	47
8.1. Về quy mô đầu tư	47
8.2. Về cơ cấu, quản lý sử dụng đất	48
8.3. Về công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	50
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp	52
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn sinh học	52
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	53
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	53
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	54
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn	54
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	54
5. Nội dung đề nghị cấp phép cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	54
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	55
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	56
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	56
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	56
2.1. Đối với nước thải	56
2.2. Đối với bụi, khí thải	56

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	56
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	57
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	58
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	59
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	59
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan	59
PHỤ LỤC BÁO CÁO	61
PHỤ LỤC 1. CÁC HỒ SƠ PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN	62
PHỤ LỤC 2. CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Tọa độ mốc ranh khu đất cơ sở	1
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp các hạng mục công trình của cơ sở.....	2
Bảng 1.3. Bảng tổng hợp quy mô chăn nuôi của cơ sở.....	5
Bảng 1.4. Bảng tổng hợp đơn vị vật nuôi lớn nhất tại cùng một thời điểm	6
Bảng 1.5. Quy trình tiêm vacxin và hóa dược phòng bệnh cho gà.....	14
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước chăn nuôi bò	16
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước chăn nuôi gà	16
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước tưới cỏ giống, dược liệu và cây xanh.....	16
Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho công nhân.....	17
Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng nước phun sát trùng xe.....	17
Bảng 1.11. Nhu cầu sử dụng nước cho hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác	17
Bảng 1.12. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở	18
Bảng 3.1. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa	26
Bảng 3.2. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....	27
Bảng 3.3. Tổng hợp khối lượng CTR CNTT phát sinh tại trang trại.....	30
Bảng 3.4. Khu vực bố trí thùng chứa CTR sinh hoạt.....	31
Bảng 3.5. Thông tin công trình lưu giữ CTR thông thường.....	34
Bảng 3.6. Khối lượng chất thải nguy hại ước tính phát sinh tại trang trại	34
Bảng 3.7. Bảng tổng hợp quy mô đầu tư của trang trại.....	47
Bảng 3.8. Bảng thống kê, so sánh diện tích các hạng mục công trình so với nội dung tại Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.....	48
Bảng 3.9. Nội dung thay đổi về công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường so với Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM	50
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	53
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	54

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà.....	7
Hình 1.2. Khu dân cư xung quanh khu vực trang trại.....	20
Hình 1.3. Đường giao thông đến cổng trang trại	22
Hình 1.4. Hệ thống đường giao thông đối ngoại.....	22
Hình 1.5. Máy phát điện dự phòng của trang trại	23
Hình 1.6. Hồ nước phía Bắc trang trại.....	23
Hình 1.7. Bồn chứa nước uống cho gà	23
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của trang trại	26
Hình 3.2. Hệ thống mương thoát nước mưa bằng bê tông	26
Hình 3.3. Mương đất thoát nước mưa	27
Hình 3.4. Điểm thoát nước mưa.....	27
Hình 3.5. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của trang trại	27
Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại cải tiến BASTAF	28
Hình 3.7. Hệ thống quạt hút và làm mát tại trang trại.....	29
Hình 3.8. Mô hình hệ thống Cooling Pad tại trang trại.....	30
Hình 3.9. Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, thuốc, chế phẩm sinh học.....	46

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
CP	:	Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CCN	:	Cụm công nghiệp
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
GPMB	:	Giải phóng mặt bằng
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
KCN	:	Khu công nghiệp
KT-XH	:	Kinh tế xã hội
NĐ	:	Nghị định
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
QH	:	Quốc hội
QL	:	Quốc lộ
QLMT	:	Quản lý môi trường
QLNN	:	Quản lý nhà nước
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
TT	:	Thông tư
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VNĐ	:	Việt Nam đồng
VSMT	:	Vệ sinh môi trường
XLNT	:	Xử lý nước thải

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt
- Địa chỉ liên hệ với Chủ cơ sở: xóm 2, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
- Người đại diện: (Ông) Dương Văn Việt
- Chức vụ: Chủ cơ sở
- Điện thoại: 0925268268

2. Tên cơ sở

2.1. Tên cơ sở

Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp.

2.2. Địa điểm cơ sở

Cơ sở có vị trí tại thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh với diện tích: 29.984 m² (theo Hợp đồng thuê đất số: 251/HĐTD ngày 26/7/2017 giữa UBND huyện Nghi Xuân và ông Dương Văn Việt; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 142723 được UBND huyện Nghi Xuân cấp ngày 9/8/2017).

Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- + Phía Bắc : giáp đường giao thông rộng 4m;
- + Phía Nam : giáp đường giao thông rộng 4m;
- + Phía Tây : giáp đất sản xuất nông nghiệp;
- + Phía Đông : giáp đường giao thông rộng 9m.

Tọa độ vị trí giới hạn khu đất của cơ sở được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.1. Tọa độ mốc ranh khu đất cơ sở

STT	Tên mốc ranh giới	Vị trí theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	M1	2057483,52	529905,54
2	M2	2057487,59	529899,76
3	M3	2057383,58	529648,56
4	M4	2057283,59	529703,62
5	M5	2057483,52	529950,29
6	M6	2057399,71	529952,83

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp”

7	M7	2057449,14	529918,57
8	M8	2057478,90	529906,34

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

Diện tích bố trí các hạng mục công trình được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)		
		Theo ĐTM được duyệt	Thực tế	Ghi chú
I	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà nuôi gà đẻ trứng	1.044	843,7	
2	Nhà ấp trứng + nuôi gà con	1.044	907,9	
3	Nhà nuôi gà mái sinh sản	1.183,2	1.208	
4	Nhà nuôi gà trưởng thành	1.150,5	1.177,9	
5	Kho thức ăn + đệm lót	348	771	
6	Nhà nuôi gà thịt số 1	1.131	1.087,5	
7	Nhà nuôi gà thịt số 2	845	971,2	
8	Nhà ăn + nghỉ nhân viên	190	190	
9	Nhà chứa dụng cụ + thức ăn + sát trùng	382,8	1.509,2	
10	Nhà nuôi bò thịt số 1	3.144,18	3.269	Không nuôi
11	Nhà nuôi bò thịt số 2	1.426,8	960,2	Không nuôi
12	Nhà nuôi bò trưởng thành	1.426,8	1.257,1	Không nuôi
13	Nhà nuôi bê con	585	887,7	Không nuôi
14	Nhà xuất nhập bò	105	-	
15	Tháp nước bò uống	60	-	
16	Tháp nước xả máng	60	-	
II	Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Hồ sát trùng xe	63	-	
2	Đất trồng cỏ và dược liệu	6.000	-	Không trồng
3	Đất trồng cỏ, cây xanh BVMT	320,1	320,1	
4	Sân đường nội bộ	7.163,62	12.995,5	
III	Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường			
1	Hầm Biogas	375	-	
2	Bể tách phân	70	-	
3	Bể xử lý nước thải	70	-	
4	Nhà máy ép phân, chứa phân	98	-	
5	Nhà chứa, lò đốt xác gà, bê con	70	-	
6	Hồ lắng	500	1.600	
7	Hồ sinh học	500		
8	Hồ thả cá	600		
9	Kho chứa chất thải rắn	28	28	
TỔNG DIỆN TÍCH		29.984	29.984	

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

2.2.1. Tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở

- Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND huyện Nghi Xuân chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng dự án tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 với quy mô chăn nuôi: 50 con bò cái giống lai Sind; 50 con bò giống thịt BBB F1; trồng rau, cỏ các loại phục vụ chăn nuôi; xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số: 606/GXN-UBND ngày 04/5/2017; cho thuê đất theo Quyết định số: 2630/QĐ-UBND ngày 18/7/2017, Hợp đồng thuê đất số: 251/HĐTD ngày 26/7/2017 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 142723 ngày 9/8/2017.

- Theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất dự án được UBND tỉnh phê duyệt ngày 16/3/2017, dự án bao gồm các hạng mục công trình sau: Công vào, chuồng nuôi bò có diện tích 720m², nhà kho có diện tích 90m², 1 nhà quản lý có diện tích 100,8m², ao hồ có diện tích 675m², hầm biogas có diện tích 210m², vườn rau có diện tích 2178,9m², bãi cỏ có diện tích 18.464,9m², sân đường bê tông có diện tích 2.781,7m², đất cây xanh có diện tích 4.242,7m². Tuy nhiên, do quy mô của dự án nhỏ, việc tìm kiếm các nhà bao tiêu sản phẩm để sản xuất thực phẩm theo hướng công nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn. Do đó, Chủ cơ sở đã lập hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư và đã được UBND huyện chấp thuận tại Quyết định số: 1451/QĐ-UBND ngày 09/7/2020; được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất tại Quyết định số: 3128/QĐ-UBND ngày 18/9/2020.

- Báo cáo ĐTM của dự án “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp” tại thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số: 2073/QĐ-UBND ngày 13/5/2021.

- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của trang trại, nhận thấy hiệu quả từ việc chăn nuôi bò thịt, trồng cỏ giống và dược liệu không cao nên Chủ cơ sở hiện nay chỉ chăn nuôi gà thịt và gà đẻ trứng. Theo đó, báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở được thực hiện với quy mô chăn nuôi cụ thể như sau:

- + Gà thịt: 60.000 con;
- + Gà đẻ trứng thương phẩm: 12.000 con;
- + Gà đẻ trứng giống:
 - * Gà trống: 1.000 con;
 - * Gà mái: 4.000 con.

2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số: 606/GXN-UBND ngày 04/5/2017 do UBND huyện Nghi Xuân cấp;

- Quyết định số: 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện Nghi Xuân về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số: 2630/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của UBND huyện Nghi Xuân về việc cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác;

- Quyết định số: 1451/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND huyện Nghi Xuân về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân;

- Quyết định số: 3128/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp;

- Hợp đồng thuê đất số: 251/HĐTĐ ngày 26/7/2017 giữa UBND huyện Nghi Xuân và ông Dương Văn Việt;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 142723 do UBND huyện Nghi Xuân cấp ngày 9/8/2017;

2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Quyết định số: 2073/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.5. Quy mô của cơ sở

2.5.1. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Cơ sở thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 của Luật Đầu tư công 2019

- Cơ sở có tổng mức đầu tư là: 14.850.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công 2019 thì cơ sở **thuộc nhóm C** (lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng).

2.5.2. Phân loại cơ sở (theo tiêu chí về môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường)

- Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt: Quy mô của cơ sở là 429,2 đơn vị vật nuôi, thuộc số thứ tự 1, mục I, Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Theo đó, cơ sở **thuộc nhóm II**.

- Theo nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường: Quy mô của cơ sở là 361,2 đơn vị vật nuôi, thuộc số thứ tự 1, mục I, Phụ lục V kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Theo đó, cơ sở **thuộc nhóm II**.

- Theo khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

2.5.3. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường

UBND tỉnh Hà Tĩnh là cơ quan cấp giấy phép môi trường của cơ sở (do cơ sở thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường).

2.5.4. Hình thức báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở được viết theo mẫu tại Phụ lục X (đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II) kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.5.5. Phạm vi cấp giấy phép môi trường

- Tổng diện tích của cơ sở: 29.984 m² với các tọa độ mốc ranh khu đất được thể hiện tại Bảng 1.1.

- Quy mô chăn nuôi: Gà thịt: 60.000 con; Gà đẻ trứng thương phẩm: 12.000 con; Gà đẻ trứng giống: 5.000 con (1.000 con gà trống, 4.000 con gà mái).

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, xử lý nước thải; công trình lưu chứa chất thải; công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Bảng 1.3. Bảng tổng hợp quy mô chăn nuôi của cơ sở

STT	Loại vật nuôi	Đơn vị	Số lượng	
			Theo ĐTM được phê duyệt	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT
1	Bò thịt	con	200	0

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp”

2	Gà thịt	con	60.000	60.000
3	Gà đẻ trứng thương phẩm	con	12.000	12.000
4	Gà đẻ trứng giống			
	- Gà trống	con	1.000	1.000
	- Gà mái	con	4.000	4.000

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

Bảng 1.4. Bảng tổng hợp đơn vị vật nuôi lớn nhất tại cùng một thời điểm

STT	Loại vật nuôi	Hệ số ĐVVN	Số lượng (con)		Số lượng đơn vị vật nuôi	
			Theo ĐTM được phê duyệt	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	Theo ĐTM được phê duyệt	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT
1	Bò thịt	0,34	200	0	68	0
2	Gà thịt	0,005	60.000	60.000	300	300
3	Gà đẻ trứng thương phẩm	0,0036	12.000	12.000	43,2	43,2
4	Gà đẻ trứng giống					
	- Gà trống	0,0036	1.000	1.000	3,6	3,6
	- Gà mái	0,0036	4.000	4.000	14,4	14,4
TỔNG					429,2	361,2

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

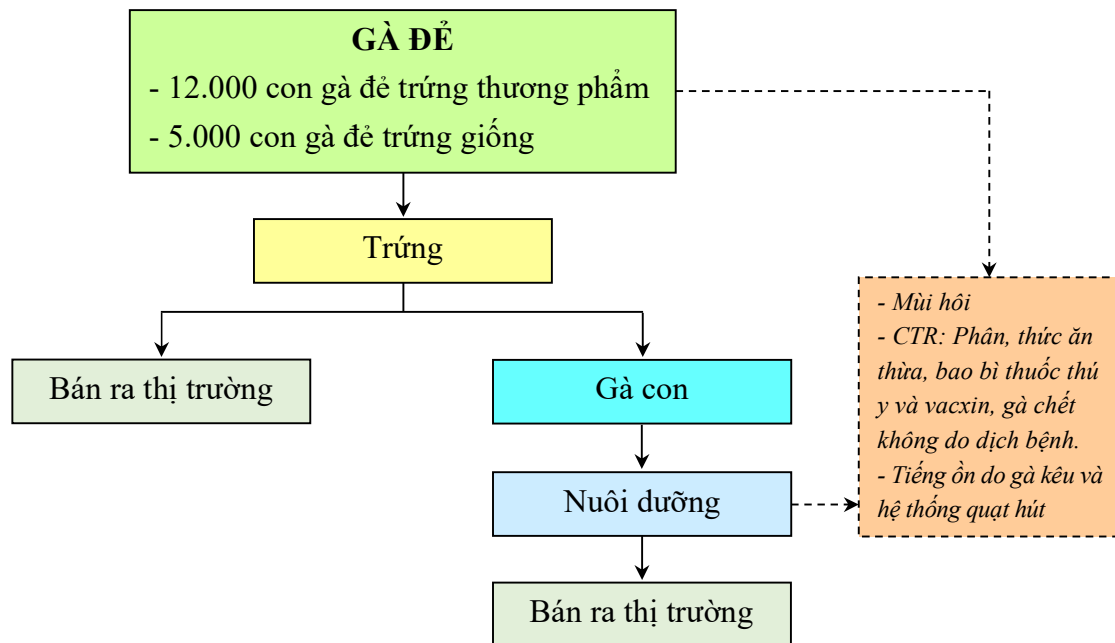
Ghi chú: Hệ số đơn vị vật nuôi theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 của Nghị định số: 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, cơ sở thuộc đối tượng chăn nuôi trang trại quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên).

Theo quy định tại số thứ tự 16, cột số 4, Phụ lục II kèm theo Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình.

3.2. Công nghệ chăn nuôi của cơ sở

3.2.1. Công nghệ chăn nuôi



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà

- Cách thức chọn: Dựa vào đặc điểm ngoại hình. Bắt gà và quan sát nhanh từ trên xuống dưới, từ trước ra sau toàn bộ cơ thể để phát hiện khuyết tật và những đặc điểm cần loại bỏ.

- Ngoại hình tiêu chuẩn cần chọn:

+ Gà con phải có màu lông chuẩn của giống (Ví dụ: Gà vú sữa thuần thì quần thể gà phải có màu lông trắng đục toàn thân);

+ Mỏ thẳng, chân mập và da chân bóng;

+ Mắt sáng mở to, đi lại nhanh nhẹn, rón rén.

- Ngoại hình không đạt tiêu chuẩn:

+ Gà có khối lượng quá nhỏ;

+ Màu lông không đúng tiêu chuẩn giống;

+ Lông bết, chân khèo, mỏ vẹo, rón hờ, và đi lại chậm chạp.

3.2.2. Kỹ thuật nuôi gà con, gà dò từ 0 ÷ 8 tuần tuổi

a. Chuẩn bị các dụng cụ chăn nuôi

- Rèm che: Bằng vải bạt may lại phù hợp với diện tích cần dùng.

- Chất độn chuồng: Dùng trấu sạch và khô.

- Một ngày trước khi nhận gà, chất sát trùng phải cho vào hồ sát trùng hoặc khay sát trùng. Sát trùng là vôi bột hoặc các hóa chất khác.

- Quay úm gà: Làm bằng cốt ép cắt dọc có chiều cao 50cm, khi quay tròn lại có đường kính 2m có thể úm được 200 gà.

- Chụp sưởi: Làm bằng tôn đường kính rộng 80 ÷ 100cm, bên trong lắp 3 bóng điện xen kẽ nhau. Những nơi không có điện hoặc nguồn điện thất thường có thể dùng bếp khí gas hoặc bếp than nhưng khi sưởi cần thiết kế ống thu để đưa khí than ra ngoài.

- Máng uống: Sử dụng máng uống gallon chuyên dụng cho gà con định mức 50 con cho 1 máng. Máng uống khi đặt xen kẽ với khay ăn (hoặc máng ăn) theo hình rẽ quạt trong quay và cách đều giữa thành quay với chụp sưởi.

- Máng ăn: Trong 2 tuần đầu dùng khay ăn (khay bằng tôn hoặc bằng nhựa có kích thước 70 × 60cm) hoặc có thể dùng mẹt tre đường kính 60cm. Khay ăn được đặt trong quay xếp so le với máng uống. Các tuần sau dùng máng ăn P30 và P50.

b. Kỹ thuật nuôi

- Trước khi nhận gà vào quay phải:

+ Kéo rèm che kín chuồng.

+ Bật đèn sưởi ấm trong quay úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh.

+ Cho nước vào máng uống. Trong nước uống cần pha thêm thuốc kháng sinh, Bcomplex, và đường Glucoz theo hướng dẫn. Nước uống phải là nước sạch, an toàn và có thể đun nước cho ấm nếu úm gà vào mùa lạnh. Nước uống được cho vào máng gallon loại 1,5-2lit, đáy máng uống được kê phẳng bằng gạch mỏng đặt trên đệm lót.

- Khi thả gà vào quay thực hiện tuần tự các công việc sau:

+ Kiểm tra lại số lượng con sống và con chết.

+ Loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi chuồng.

- Nhận gà con vào quay:

+ Sau khi chuẩn bị xong chuồng trại mới đưa gà vào quay.

+ Mật độ nuôi từ tuần thứ nhất đến tuần thứ ba là 20 con ÷ 18 con/m² chuồng, từ tuần thứ tư đến tuần thứ sáu là 16 con ÷ 14 con/m² chuồng, từ tuần thứ bảy đến tuần thứ chín là 12 con đến 10 con/m² chuồng.

- Đưa ra khỏi chuồng úm các vỏ hộp đựng gà con, các chất lót vỏ hộp và gà con chết, gà loại để tiêu hủy.

- Cho gà uống nước ngay trước khi cho ăn.

- Khung nhiệt sưởi ấm cho gà như sau:

+ Trong hai tuần đầu úm gà thường xuyên quan sát gà và theo dõi nhiệt độ trong quây để điều chỉnh thiết bị sưởi nhằm cung cấp đủ nhiệt cho gà. Những dấu hiệu sau cần chú ý để điều chỉnh chụp sưởi hoặc thiết bị sưởi.

+ Nhiệt độ cao, đàn gà tản ra sát vành quây, kêu và thở.

+ Nhiệt độ thấp gà tập chung quanh chụp sưởi.

+ Nhiệt độ thích hợp đàn gà phân bố đều trong quây.

- Cho ăn:

Từ tuần thứ nhất đến tuần thứ ba dùng thức ăn gà con chủng loại 1 ÷ 21. Từ tuần thứ 3 đến tuần thứ 6 dùng thức ăn gà dò chủng loại 21 ÷ 42 ngày. Từ tuần thứ 7 trở đi dùng thức ăn gà vỗ béo chủng loại 43 ngày ÷ xuất bán.

- Khi chuyển thức ăn từ thức ăn gà con sang thức ăn gà dò, công thức thay đổi cho gà ăn như sau:

+ Ngày thứ nhất 75% thức ăn cũ và 25% thức ăn mới.

+ Ngày thứ hai 50% thức ăn cũ và 50% thức ăn mới.

+ Ngày thứ ba 25% thức ăn cũ và 75% thức ăn mới.

+ Ngày thứ tư cho ăn 100% thức ăn mới.

- Tuần thứ nhất đến hết tuần thứ hai cho gà ăn bằng khay hoặc mẹt (100 gà đặt 1 khay ăn). Rải mỏng, đều thức ăn lên khay ăn hoặc mẹt độ dày 1cm, sau đó từ 2 ÷ 3 giờ cào sạch thức ăn lẫn phân có trong khay đem sàng để gạt bỏ phân ra ngoài, tận thu thức ăn cũ và tiếp thêm lượt mỏng thức ăn mới.

- Khi gà được 3 tuần tuổi trở đi thay thế khay ăn bằng máng ăn cỡ trung bình P30 hoặc máng đại P50 (40 ÷ 50con/máng), cần treo máng bằng dây, miệng máng đặt ngang với lưng gà.

- Cho gà ăn tự do cả ngày đêm, bổ sung thêm thức ăn cho gà trong một ngày đêm từ 6 ÷ 7 lần.

- Cho uống:

+ Dùng máng uống gallon, hai tuần đầu dùng máng cỡ 1,5 ÷ 2,0 lít, các tuần sau dùng máng cỡ 4,0 lít.

+ Máng uống được rửa sạch hàng ngày và thay nước uống cho gà khoảng 4 lần (sáng, chiều, tối và giữa đêm).

- **Chiếu sáng:** Thời gian chiếu sáng đảm bảo 24/24 giờ đến tuần thứ 3 hoặc thứ 4, các tuần còn lại thấp sáng đến 22 giờ, cường độ chiếu sáng từ $5 \div 10\text{lux}$ tương đương $2-4\text{w/m}^2$ chuồng.

- Trong hai tuần đầu rèm che phải đóng kín cả ngày đêm, từ tuần thứ ba trở đi đóng rèm phía hướng gió và mở rèm phía không có gió. Tuy nhiên việc đóng và mở rèm còn tùy thuộc vào thời tiết và sức khỏe đàn gà.

- **Độn lót chuồng:** Hàng ngày kiểm tra và dọn rĩa xung quanh máng uống độn chuồng bị ướt, xới đảo độn lót chuồng từ $7 \div 10$ ngày/lần và bổ sung thêm lượt mỏng độn lót. Không thay độn lót chuồng thường xuyên.

- Từ tuần thứ 2 trở đi bắt đầu nói rộng quây úm và đến tuần thứ tư trở đi tháo bỏ hoàn toàn quây úm.

- Hàng ngày kiểm tra gà chết và gà yếu để loại thải. Ghi chép đầy đủ số lượng gà có mặt hàng ngày, lượng thức ăn cho ăn vào biểu theo dõi.

- **Phương thức nuôi:** Theo phương thức bán chăn thả.

- + Từ 01 đến 6 tuần tuổi nuôi nhốt hoàn toàn trong chuồng.

- + Từ 7 đến 8 tuần tuổi có thể thả gà ra vườn. Mật độ thả từ $0,5\text{m}^2 \div 1,0\text{m}^2/\text{con}$. Vườn thả thiết kế bằng phẳng, có trồng cây hoặc dàn cây che mát. Chu vi vườn thả được rào lưới đảm bảo gà không thể bay qua hoặc chui ra ngoài. Chỉ thả gà khi thời tiết khô và ấm, thời tiết bất thuận (sau mưa, lạnh ẩm dài ngày phải nuôi nhốt hoàn toàn trong chuồng với mật độ 10 con/m^2).

3.2.3. Kỹ thuật nuôi gà vỗ béo từ 9 ÷ 16 tuần tuổi

a. Chuẩn bị dụng cụ và chuồng chăn nuôi

- Rèm che: Dùng bằng vải bạt, hoặc vỏ bao tận dụng may lại.

- Máng uống: Dùng máng uống gallon loại 8 lít (100 gà có 2 máng) hoặc máng tôn dài 1,2m (100 gà có 1 máng). Dùng máng đại P50, nuôi gà giai đoạn từ $9 \div 16$ tuần tuổi bố trí 25 con đến 27 con/máng.

- Chuồng nuôi gà dò, gà vỗ béo có thể là chuồng chung hoặc chuồng riêng, trước khi đưa gà vào nuôi phải làm vệ sinh sát trùng bên trong và ngoài chuồng.

b. Kỹ thuật nuôi dưỡng gà vỗ béo từ 9 ÷ 16 tuần tuổi

- Kéo rèm che mở hoàn toàn. Chỉ đóng rèm khi có gió to, trời giông bão, mưa to, quá lạnh và đàn gà bị bệnh đường hô hấp.

- Mật độ nuôi đảm bảo từ 10 con đến 8 con/m^2 chuồng tùy theo lứa tuổi gà.

- Cho gà ăn theo cách sau:

- + Dùng thức ăn hỗn hợp viên gà vỗ béo chủng loại 43 ngày tuổi ÷ xuất bán.
- + Cho gà ăn bằng máng đại P50. Máng được treo bằng dây, miệng máng cao ngang lưng gà. Mật độ máng ăn cho gà theo yêu cầu: 27 con ÷ 30 con/máng. Cho gà ăn tự do ban ngày, buổi tối không cho ăn.
- Cho gà uống theo cách sau:
 - + Dùng máng uống gallon cỡ 8lit hoặc cho uống máng dài (Loại máng dài 1,2m bằng tôn được đặt trên rãnh thoát nước), máng uống dài cần phải có chụp bằng song sắt để gà không nhảy vào máng.
 - + Máng uống đặt số lượng 100 con cho 2 máng uống gallon và 100con cho 1 máng uống dài.
 - + Máng uống rửa sạch hàng ngày thay nước uống 2 lần (Sáng, chiều).
- Độn lót chuồng: Hàng ngày kiểm tra và dọn rìa xung quanh máng uống độn chuồng bị ướt, xới đảo độn lót chuồng từ 7 ÷ 10 ngày/lần và bổ sung thêm.
- Phương thức nuôi: Nuôi nhốt hoàn toàn trong chuồng với mật độ 7 ÷ 8 con/m².

3.2.4. Kỹ thuật nuôi gà đẻ trứng

- Gà từ tuần thứ 20, đẻ trứng bói đến loại thải (74 tuần).
- Rèm che: Có thể dùng rèm che dài để có thể che kín hoàn toàn chuồng nuôi hoặc loại rèm che lửng chỉ che kín phần có lồng.
- Lồng gà (Đối với gà đẻ trứng thương phẩm): Chuẩn bị đủ số lượng, căn cứ trên quy định 12 gà/lồng/1,2m² (4 con trong một ngăn của lồng).
- Mật độ nuôi đối với gà đẻ trứng giống đảm bảo từ 3 ÷ 4 con/m² chuồng tùy mùa.
- Máng ăn và máng uống: máng dài bằng kim loại hay bằng nhựa. Máng được đặt dọc theo chiều dọc chuồng. ở phía trước (máng uống ở trên, máng ăn ở dưới). Định mức 10 cm chiều dài máng cho 1 gà

a. Chọn trứng theo ngoại hình

- Chọn trứng chú ý loại bỏ các quả trứng quá to, quá nhỏ, quá mỏng, méo mó, xù xì, rạn dập không nên cho vào ấp, vì những trứng này không chỉ nở kém, mà chất lượng gà con thấp sẽ không thể làm giống được.
- Trứng quá dài, quá tròn cũng không nên cho vào ấp vì tỷ lệ lòng đỏ và lòng trắng không cân đối.

b. Chọn trứng bằng đèn soi

Sau khi kiểm tra ngoại hình để chọn loại bỏ trứng không đủ tiêu chuẩn ấp cần soi đèn kiểm tra để phát hiện và loại bỏ những trứng sau đây:

- Trứng rạn dập, vì trong quá trình ấp chỗ rạn nứt sẽ tạo khe hở để vi khuẩn xâm nhập vào bên trong gây thối, đồng thời tỷ lệ mất nước loại trứng này lớn, sẽ dẫn đến tỷ lệ phôi chết cao.

- Trứng có lòng đỏ không nằm ở vị trí giữa, có dị vật, cục máu bên trong.

- Trứng có buồng khí nằm không đúng vị trí (buồng khí không ở đầu to, buồng khí di động hoặc rung động đều), kích thước buồng khí quá lớn.

c. Bảo quản trứng ấp

Trứng trước khi đưa vào bảo quản phải được phân loại, chỉ chọn những trứng đạt tiêu chuẩn ấp mới đưa vào bảo quản. Phòng bảo quản phải tối, không có ánh sáng lọt vào. Đồng thời bảo quản trứng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Xếp trứng:

+ Trứng cho vào khay chuyên dụng, xếp khay nghiêng góc 300, đầu to (đầu buồng khí) hướng lên trên. Đảo trứng 1 lần/ngày (đảo ngược lại 1800).

+ Chọn trứng cùng cỡ để cùng 1 khay.

+ Khay trứng đưa vào bảo quản phải được ghi ngày thu trứng.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ bảo quản trứng ấp tốt nhất là $15 \div 20^{\circ}\text{C}$, có thể bảo quản trứng được 7 – 14 ngày. Trong trường hợp bảo quản trứng dưới 3 ngày có thể bảo quản trứng trong điều kiện nhiệt độ phòng.

- Ẩm độ: Ẩm độ thích hợp để bảo quản trứng là 75% RH. Ghi chú: Trứng đưa khỏi phòng bảo quản phải được làm ẩm trở lại bằng cách xếp lên giá ở phòng ấp 6 ÷ 10 giờ trước khi đưa trứng vào máy ấp, nhằm tránh stress do nhiệt độ chênh lệch.

d. Xử lý trứng ấp

Trước khi đưa trứng vào ấp phải xông khử trùng bằng formon, thuốc tím diệt vi khuẩn, nếu trứng không được xông, vi khuẩn lưu giữ trên vỏ trứng và trong máy sẽ có điều kiện xâm nhập vào trứng gây chết phôi, tỷ lệ trứng bị thối tăng, độc tố lây lan sang trứng khác, lượng Amoniac (NH_3), H_2S tăng gây ngộ độc cho hàng loạt trứng trong máy ấp.

e. Kỹ thuật ấp trứng

- Thời gian ấp:

Khi trứng bắt đầu đưa vào ấp đến ngày thứ 21 nở ra gà con. Trứng to nở trễ, trứng nhỏ nở sớm, thời gian nở chênh lệch 5 ÷ 10 giờ.

- Chuẩn bị máy ấp, máy nở và xếp trứng vào máy.

+ Máy ấp và máy nở phải được vệ sinh trước (dùng Benkocid lau các khung máy và lau khô), sau đó xông khử trùng (dùng thuốc tím và formol giống như phần phương pháp xông trứng, sau đó mở cửa cho khí formol bay hết).

+ Đối với máy ấp:

* Bật máy trước 2 ÷ 4 h để máy đạt nhiệt độ yêu cầu sau đó mới xếp trứng vào ấp.

* Có thể đưa trứng vào máy trước khi xông khử trùng (phương pháp này vừa xông trứng vừa khử trùng máy ấp nhưng chỉ áp dụng cho máy ấp đơn kỳ). Sau đó bật máy ấp, nhưng thời gian ấp phải được tính từ khi máy đạt nhiệt độ yêu cầu.

+ Đối với máy nở: Bật máy trước khi chuyển trứng từ 4 ÷ 5h (đủ nhiệt độ).

+ Sau khi gà nở, lấy gà ra khỏi máy thì tiến hành vệ sinh, xông khử trùng như trên chuẩn bị cho đợt ấp tiếp theo.

+ Khay trứng đưa vào ấp phải được ghi ngày thu trứng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bao gồm:

- Gà thịt: 60.000 con ;
- Gà đẻ trứng thương phẩm: 12.000 con ;
- Gà đẻ trứng giống :
 - + Gà trống: 1.000 con ;
 - + Gà mái: 4.000 con.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, vật liệu

4.1.1. Thức ăn chăn nuôi

a. Đối với nuôi gà thịt với quy mô 1.000 con

- Giai đoạn úm (1 ÷ 15 ngày): 30 bao 25 kg tương đương 750 kg.
- Giai đoạn 1 (15 ÷ 40 ngày) 60 bao 25 kg tương đương 1.500 kg.
- Giai đoạn 2 (40 ÷ 80 ngày): 180 bao 25 kg tương đương 4.500 kg.
- Giai đoạn vỗ béo (80 ÷ xuất bán (thường là 100 ngày)) 130 bao 25 kg tương đương 3.250 kg.

Tổng số thức ăn sử dụng cho cả giai đoạn (100 ngày) đối với 1.000 con là 10.000kg = 10 tấn thức ăn hỗn hợp. Như vậy, đối với số lượng 60.000 con gà cần 600 tấn cho cả giai đoạn nuôi.

b. Đối với nuôi gà đẻ trứng

- Giai đoạn đẻ trứng (18 tuần ÷ 74 tuần tuổi): Trung bình mỗi ngày ăn khoảng 115 g/con/ngày. Đối với 17.000 con gà đẻ trứng trong quá trình nuôi (365 ngày) sẽ sử dụng

hết: $115 \times 365 \times 17.000 = 713.575 \text{ kg} = 714 \text{ tấn}$. Như vậy, cần 28.543 bao 25 kg cho cả giai đoạn nuôi.

Thời gian nuôi gà thịt trung bình 3 tháng và gà đẻ là 1 năm. Vì vậy, mỗi năm trang trại nuôi được 4 lứa gà thịt và 1 lứa gà đẻ trứng thương phẩm.

4.1.2. Thuốc thú y

Các loại vắc xin và thuốc phòng bệnh của Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (*Pharmavet Co., Ltd*) cung cấp. Sản phẩm của công ty đạt tiêu chuẩn GMP - WHO. Dự án không dùng chất tạo nạc và chất cấm trong chăn nuôi và phòng, trị bệnh cho gà.

Bảng 1.5. Quy trình tiêm vaccin và hóa dược phòng bệnh cho gà

STT	Ngày tuổi	Loại vaccin dùng và cách sử dụng
1	1-4 ngày đầu	Cho gà con uống thuốc bổ như vitamin B ₁ , B-Complex
2	7 ngày tuổi	Vaccin Lasota (nhỏ vào mắt, mũi)
3	10-15 ngày tuổi	Vaccin Gumboro (nhỏ vào mắt, mũi)
4	20 - 25 ngày tuổi	Vaccin Lasota (nhỏ vào mắt, mũi)
5	2 tháng tuổi	Vaccin Niucatxon H1 (tiêm dưới da) Vaccin tụ huyết trùng (tiêm dưới da)
6	4 tháng tuổi	Vaccin đậu gà

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

4.1.3. Đệm lót sinh học

Đệm lót sinh học thường sử dụng là vỏ trấu (đối với gà thịt), mùn cưa (đối với gà đẻ),... được thu mua từ các cơ sở sử dụng nguyên liệu đốt trên địa bàn huyện Nghi Xuân. Lợi ích của việc sử dụng đệm lót sinh học đó là có thời gian sử dụng 6 ÷ 12 tháng, làm tiêu hết phân do đó mùi hôi thối, khí độc trong nhà nuôi hầu như không còn, tạo môi trường sống tốt không ô nhiễm.

- Cách làm đệm lót đối với gà thịt cho 1 đợt nuôi:

- + Bước 1: Rải trấu lên toàn bộ nền chuồng dày 10cm, sau đó thả gà vào.
- + Bước 2: Sau 7-10 ngày đối với gà nuôi úm, 2 ÷ 3 ngày đối với gà nuôi thịt, quan sát trên bề mặt chuồng khi nào thấy phân rải kín, dùng cào cào sơ qua lớp mặt đệm lót (cần quây gọn gà về 1 phía để tránh gây xáo trộn đàn gà).
- + Bước 3: Sau khi cào lớp mặt xong thì rắc đều chế phẩm men lên toàn bộ bề mặt chất đệm, tiếp tục dùng tay xoa trên bề mặt để men được phân tán đều khắp.

- Cách làm đệm lót đối với gà đẻ cho 1 đợt nuôi:

+ Bước 1: Rải lớp mùn cưa dày 15 cm lên nền chuồng (do mùn cưa có khả năng hút ẩm tốt và thời gian nuôi gà đẻ dài). Nếu mùn cưa quá khô, có thể phun, tưới nước sạch đều lên trên lớp mùn cưa sao cho mùn cưa có độ ẩm 20% rồi trộn đều (dùng tay bốc một nắm mùn cưa, quan sát thấy hạt mùn cưa bị thấm ẩm nhưng vẫn rời là được hoặc dùng tay bóp chặt nắm cưa nếu thấy nắm cưa vỡ ra là đạt độ ẩm thích hợp, nếu nắm cưa không vỡ mà thành cục thì quá ẩm); Sau đó tiến hành thả gà vào nuôi.

+ Bước 2 và bước 3: Quá trình thực hiện giống với làm đệm lót bằng trấu.

Khối lượng đệm lót sinh học sử dụng cho 1 đợt nuôi là 154,2 tấn, trong đó:

- Gà thịt: $10\text{cm} \times (1.044\text{m}^2 + 1.150,5\text{m}^2 + 1.131\text{m}^2 + 845\text{m}^2) = 417,05\text{m}^3$, tương đương với 54,2 tấn (khối lượng riêng của trấu là 130kg/m^3)

- Gà đẻ: $15\text{cm} \times (1.044\text{m}^2 + 1.183,2\text{m}^2) = 334,08\text{m}^3$, tương đương với 100,2 tấn (khối lượng riêng của mùn cưa là 300kg/m^3).

4.1. Chế phẩm sinh học

- Cách làm chế phẩm men: 6 kg chế phẩm men (1 kg chế phẩm BALASA N0-1 trộn đều với $5 \div 7$ kg cám gạo), cho thêm $2,5 \div 3,2$ lít nước sạch, xoa cho ẩm đều, cho vào túi hoặc thùng và để chỗ ẩm ủ trong $2 \div 3$ ngày (mùa đông cần chú ý giữ nhiệt độ ủ ấm, để không làm giảm chất lượng đệm lót). Cần phải làm chế phẩm men trước khi sử dụng $2 \div 3$ ngày. Chỉ cần rắc men một lần trong suốt quá trình nuôi.

- Khối lượng chế phẩm lên men cần sử dụng cho 1 đợt nuôi: Hệ số chế phẩm lên men sử dụng $6\text{ kg}/50\text{ m}^2$, với tổng diện tích nhà nuôi gà thịt và gà đẻ là $6.397,7\text{ m}^2$ thì lượng chế phẩm men là 0,8 tấn.

4.3. Nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp điện:

+ Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của cơ sở được lấy từ đường dây trung thế trên không 22KV chạy phía Đông Nam cơ sở, thuộc mạng lưới điện quốc gia, cung cấp bởi Công ty Điện lực Hà Tĩnh.

+ Ngoài ra, tại cơ sở có bố trí 01 máy phát điện dự phòng với công suất 500 KVA để phục vụ cho hoạt động của trang trại trong trường hợp bị mất điện hoặc hệ thống lưới điện Quốc gia gặp sự cố.

- Giải pháp cấp điện: Cơ sở đã xây dựng đường dây 22KV và 02 trạm biến áp 1.000 KVA cấp điện sinh hoạt, sản xuất và chiếu sáng.

4.4. Nguồn cung cấp nước

4.4.1. Nguồn cung cấp nước

- Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt và chăn nuôi của cơ sở được cung cấp từ nguồn nước ngầm, sau đó được dẫn vào bồn dự trữ nước và phân phối đến các hạng mục công trình thông qua hệ thống đường ống PVC.

- Nguồn nước sử dụng cho hoạt động tưới cây và dự trữ phòng cháy chữa cháy được lấy từ nước mặt tại hồ nước phía Bắc của cơ sở.

4.4.2. Nhu cầu sử dụng nước

Lưu lượng nước cấp tối đa được tính toán cho các nhu cầu sử dụng như sau:

a. Nước phục vụ chăn nuôi bò

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước chăn nuôi bò

STT	Mục đích sử dụng	Định mức (*) (lít/con/ngày)	Số lượng (con)		Nhu cầu sử dụng (m³/ngày)	
			Theo ĐTM	Thực tế	Theo ĐTM	Thực tế
1	Nước uống	90	200	0	18	0
2	Nước vệ sinh chuồng trại	80			16	0
TỔNG					34	0

(Nguồn: (*) Báo cáo ĐTM của cơ sở, 2021)

b. Nước phục vụ chăn nuôi gà (nước uống)

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước chăn nuôi gà

STT	Đối tượng sử dụng	Định mức (*) (lít/con/tuần)	Số lượng (con)		Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	
			Theo ĐTM	Thực tế	Theo ĐTM	Thực tế
1	Gà thịt	2	60.000	60.000	17,14	17,14
2	Gà đẻ trứng thương phẩm	2	12.000	12.000	3,43	3,43
3	Gà đẻ trứng giống					
	- Gà trống	2	1.000	1.000	0,29	0,29
	- Gà mái	2	1.000	1.000	1,14	1,14
TỔNG					22	22

(Nguồn: (*) Báo cáo ĐTM của cơ sở, 2021)

c. Nước phục vụ tưới vùng trồng cỏ giống, dược liệu và cây xanh

Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước tưới cỏ giống, dược liệu và cây xanh

STT	Đối tượng sử dụng	Định mức (*) (lít/m ² /lần)	Diện tích (m ²)		Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	
			Theo ĐTM	Thực tế	Theo ĐTM	Thực tế
1	Mùa mưa (tưới 1 lần/tuần)					
	- Vùng trồng cỏ giống, dược liệu	3,5	6.000	0	3	0

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp”

	- Cây xanh		320,1	320,1	0,16	0,16
TỔNG (mùa mưa)			6.320,1	320,1	3,16	0,16
2	Mùa khô (tưới 2 lần/tuần)					
	- Vùng trồng cỏ giống, được liệu	3,5	6.000	0	6	0
	- Cây xanh		320,1	320,1	0,32	0,32
TỔNG (mùa khô)			6.320,1	320,1	6,32	0,32

(Nguồn: (*) Báo cáo ĐTM của cơ sở, 2021)

d. Nước phục vụ sinh hoạt cho công nhân

Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho công nhân

STT	Đối tượng sử dụng	Định mức (*) (lít/người/ngày)	Số lượng (người)		Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	
			Theo ĐTM	Thực tế	Theo ĐTM	Thực tế
1	Công nhân	150	30	5	4,5	0,75
TỔNG					4,5	0,75

(Nguồn: (*) Báo cáo ĐTM của cơ sở, 2021)

e. Nước phun sát trùng xe

Nước pha dung dịch sát trùng cho xe khoảng 20 lít/xe, ước tính 5 xe/2 lần/ngày thì lượng nước cần dùng là 0,2 m³/ngày.

Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng nước phun sát trùng xe

STT	Mục đích sử dụng	Định mức (*) (lít/xe/ngày)	Số lượng (xe)		Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	
			Theo ĐTM	Thực tế	Theo ĐTM	Thực tế
1	Sát trùng xe	40	5	5	0,2	0,2
TỔNG					0,2	0,2

(Nguồn: (*) Báo cáo ĐTM của cơ sở, 2021)

f. Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác

Bảng 1.11. Nhu cầu sử dụng nước cho hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác

STT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)	
		Theo ĐTM	Thực tế
1	Cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác	5	0
TỔNG		5	0

(Nguồn: (*) Báo cáo ĐTM của cơ sở, 2021)

g. Nước cấp phòng cháy chữa cháy

- Nhu cầu sử dụng:

Lượng nước chữa cháy trong nhà, lượng nước dự trữ cho chữa cháy được tính cho 2 đám cháy tối thiểu là 3 giờ, với lưu lượng $q = 2,5 \text{ l/s/1}$ đám cháy (TCVN 2622:1995, Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình)

$$Q_{CCtn} = n \times q \times t = 2 \times 2,5 \text{ l/s/1 đám cháy} \times 180 \text{ phút} \times 60 \text{ s} = 54 \text{ m}^3.$$

Lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà là 10 l/s (TCVN 2622:1995, Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình) trong thời gian 3 giờ.

$$Q_{CCnh} = 10 \times 3.600 \times 5 = 180 \text{ m}^3.$$

Tổng cộng lưu lượng nước chữa cháy cho trang trại trong và ngoài nhà là: 234 m^3 .

Nước dùng cho PCCC không tính vào nhu cầu nước thường xuyên sử dụng của cơ sở do lượng nước này không sử dụng thường xuyên, chỉ sử dụng khi có sự cố xảy ra.

Tổng nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở được tổng hợp tại bảng dưới đây:

Bảng 1.12. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)		Nhu cầu xả thải (m ³ /ngày)
		Theo ĐTM	Thực tế	
1	Nước phục vụ chăn nuôi bò	34	0	0
2	Nước phục vụ chăn nuôi gà (nước uống)	22	22	0
3	Nước phục vụ tưới vùng trồng cỏ giống, dược liệu và cây xanh	6,32	0,32	0
4	Nước phục vụ sinh hoạt	4,5	0,75	0,75
5	Nước phun sát trùng xe	0,2	0,2	0
6	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác	5	0	0
TỔNG		72,02	23,27	0,75

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Tổng mức đầu tư của cơ sở

Tổng mức đầu tư của cơ sở là: **14.850.000.000** đồng Việt Nam (Bằng chữ: Mười bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó:

- Vốn tự có (40%): 5.940.000 đồng.
- Vốn vay và nguồn khác (60%): 8.910. 000 đồng.

5.2. Sơ đồ tổ chức và quản lý

- Hình thức quản lý: Chủ cơ sở trực tiếp quản lý thực hiện.
- Nguồn lao động: Sử dụng nguồn nhân lực có sẵn tại địa phương đồng thời đào tạo thêm tay nghề cho các cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, công nhân thông qua các hình thức đào tạo như tập huấn, tham quan. Số công nhân làm việc tại trang trại là 30 người.

5.4. Mối tương quan giữa vị trí của cơ sở và các đối tượng xung quanh

5.4.1. Khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, cộng đồng dân cư, trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư

Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số: 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi: Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, cộng đồng dân cư tối thiểu là 400m; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500m.

Khoảng cách từ cơ sở đến các đối tượng xung quanh như sau:

- Khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt: Khoảng cách từ cơ sở đến Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt gần nhất (Lò đốt tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân) khoảng 7.090m về phía Nam
- Khu dân cư: Khoảng cách từ cơ sở đến ranh giới khu dân cư gần nhất là thôn 2, làng Xuân Sơn, xã Cổ Đạm khoảng 458m về phía Nam (hộ bà Bùi Thị Kịch).
- Trường học: Khoảng cách từ cơ sở đến trường học gần nhất (Trường Mầm non và trường Tiểu học Cổ Đạm) khoảng 2.350m về phía Đông Bắc.
- Bệnh viện: Khoảng cách từ cơ sở đến Trạm y tế xã Cổ Đạm khoảng 2.426m về phía Đông Bắc; cách Bệnh viện huyện Nghi Xuân khoảng 7.300m về phía Bắc.
- Chợ: Khoảng cách từ cơ sở đến Chợ Cổ Đạm khoảng 2.435m về phía Đông Bắc.
- Nguồn nước sinh hoạt: Trong bán kính 5 km tính từ vị trí của cơ sở không có nguồn nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư.

Như vậy, cơ sở đảm bảo khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định nói trên.



Hình 1.2. Khu dân cư xung quanh khu vực trang trại

5.4.2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Phía Bắc khu vực trang trại là mô hình chăn nuôi lợn nít của hộ ông Phan Viết Chinh (hiện nay không hoạt động). Khoảng cách ngắn nhất từ ranh giới đất của ông Chinh đến chuồng nuôi là 65m, khu vực chứa chất thải chăn nuôi của cơ sở là 262m.

- Phía Đông khu vực trang trại có trang trại chăn nuôi lợn nái (quy mô 400 con) của bà Nguyễn Thị Hoa (hiện ủy quyền cho ông Nguyễn Đình Quyết quản lý). Khoảng cách ngắn nhất từ ranh giới đất của trang trại bà Hoa đến chuồng nuôi là 125m, đến khu vực chứa chất thải chăn nuôi của cơ sở là 70m.

- Phía Nam khu vực trang trại có mô hình chăn nuôi tổng hợp của bà Phan Thị Ngân. Khoảng cách ngắn nhất từ ranh giới đất của trang trại bà Ngân đến chuồng nuôi là 57m, đến khu vực chứa chất thải chăn nuôi của cơ sở là 132m.

- Phía Nam khu vực trang trại có trang trại chăn nuôi tổng hợp của ông Nguyễn Văn Trường. Khoảng cách ngắn nhất từ ranh giới đất của trang trại ông Trường đến chuồng nuôi là 83m, đến khu vực chứa chất thải chăn nuôi của cơ sở là 230m.

Theo đó, vị trí của trang trại đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số: 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi (*khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50m*).

5.4.3. Hệ thống sông, suối, ao, hồ, kênh mương thoát nước

Xung quanh khu vực dự án có ruộng lúa và các mương tưới tiêu nông nghiệp. Ngoài ra, xung quanh khu vực dự án có hệ thống khe, hồ, sông khá dày đặc.

- Khe Nhà Miéc giáp trang trại chạy dọc từ phía Bắc xuống phía Đông Nam. Nguồn nước của khe Nhà Miéc chảy từ tràn đập Cồn Tranh chảy dưới chân các đỉnh núi Chơ

Sim, Chợ Trù, Mòng Gà...uốn lượn bao quanh cánh đồng Chợ Cao và các khu trại sản xuất đồ về Rào Mỹ Dương tại cầu Đập. Theo số liệu khảo sát, hiện trạng của khe Nhà Miéc có nguồn nước chảy khá ổn định trong năm (trừ những ngày nắng hạn hán).

- Rào Mỹ Dương cách trang trại khoảng 500m về phía Nam, bắt nguồn từ các khe suối vùng đồi núi từ xã Xuân Mỹ đến xã Cương Gián, hướng dòng chảy từ hướng Đông đến công Đá Bạc với nhiệm vụ là phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp cho các xã Cổ Đàm, Xuân Liên, Xuân Mỹ, Xuân Thành và các xã phụ cận của huyện Nghi Xuân.

- Cách trang trại về phía Tây 1km có đập Cồn Tranh thuộc dự án hồ chứa nước Xuân Hoa (tại địa bàn xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh, khởi công ngày 6/10/2005, theo thiết kế hồ chứa cấp 4, dung tích chứa hơn 2 triệu m³, lượng nước sử dụng 14 triệu m³/năm) phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp cho các xã Cổ Đàm, Xuân Liên, Xuân Mỹ, Xuân Thành và các xã phụ cận của huyện Nghi Xuân.

Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn và nước thải sau xử lý của cơ sở là khe Nhà Miéc chảy vào rào Mỹ Dương (tại cầu Đập) đến công Đá Bạc.

5.4.4. Công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử

Phía Đông Nam khu vực trang trại có chùa Bàu. Khoảng cách ngắn nhất từ ranh giới đất của chùa đến chuồng nuôi, khu vực chứa chất thải chăn nuôi của cơ sở khoảng 402m ÷ 405m.

5.5. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

5.5.1. Hiện trạng sử dụng đất

Khu đất xây dựng trang trại có tổng diện tích 29.984 m² đã được UBND huyện Nghi Xuân cho thuê tại Hợp đồng thuê đất số: 251/HĐTĐ ngày 26/7/2017; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 142723 ngày 9/8/2017, thuộc thửa đất số: 166, tờ bản đồ số: 39, mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác.

5.5.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng

a. Giao thông

Hiện đã có đường bê tông nội bộ vào trang trại. Đường giao thông xung quanh khu vực trang trại chủ yếu là đường bê tông.

Trang trại cách đường Quốc lộ 8B (đường tránh Quốc lộ 1A) 5km về phía Tây. Từ tuyến đường Quốc lộ 8B có điểm rẽ theo tuyến đường liên xã và liên thôn vào trang trại là đường bê tông rộng 7 ÷ 8m, thuận lợi cho hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu và xuất bán sản phẩm.



Hình 1.3. Đường giao thông đến cổng trang trại



Hình 1.4. Hệ thống đường giao thông đối ngoại

b. Hệ thống cấp điện

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của cơ sở được lấy từ đường dây cấp điện chung của xã nằm về phía Đông Nam của dự án, thuộc mạng lưới điện quốc gia, cung cấp bởi Công ty Điện lực Hà Tĩnh.

Ngoài ra, tại cơ sở có bố trí 01 máy phát điện dự phòng với công suất 500 KVA để phục vụ cho hoạt động của trang trại trong trường hợp bị mất điện hoặc hệ thống lưới điện Quốc gia gặp sự cố.



Hình 1.5. Máy phát điện dự phòng của trang trại

c. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt và chăn nuôi của cơ sở được cung cấp từ nguồn nước ngầm, sau đó được dẫn vào bồn dự trữ nước và phân phối đến các hạng mục công trình thông qua hệ thống đường ống PVC.

- Nguồn nước sử dụng cho hoạt động tưới cây và dự trữ phòng cháy chữa cháy được lấy từ nước mặt tại hồ nước phía Bắc của cơ sở.



Hình 1.6. Hồ nước phía Bắc trang trại



Hình 1.7. Bồn chứa nước uống cho gà

d. Công trình phục vụ hoạt động chăn nuôi

Hiện tại Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình phục vụ hoạt động chăn nuôi của trang trại.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Đối với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

Cơ sở phù hợp với nhiệm vụ của chiến lược "*Thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp; hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và các loại kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản*" theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2. Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Cơ sở phù hợp với nhiệm vụ về bảo vệ môi trường: "*Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp; hạn chế, sử dụng có kiểm soát phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật và các loại kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản*" theo Quyết định số: 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.3. Đối với quy hoạch tỉnh

1.3.1. Quy hoạch tỉnh

Cơ sở phù hợp với phương hướng phát triển đối với ngành chăn nuôi của tỉnh, cụ thể: "*Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh. Khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn và chế biến*" theo Quyết định số: 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.3.2. Quy hoạch chăn nuôi

Cơ sở phù hợp với mục tiêu: "*Chăn nuôi theo hướng trang trại, công nghiệp, phát triển an toàn, bền vững; sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo thu nhập cho người dân*" thuộc Kế hoạch số: 131/KH-UBND ngày 26/4/2022

của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2022 – 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

1.3.2. Quy hoạch sử dụng đất

Theo Quyết định số: 2552/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (kèm theo bản đồ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 tỷ lệ 1/25.000): Khu đất thực hiện cơ sở thuộc đất nông nghiệp khác.

Như vậy, khu đất cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Nghi Xuân giai đoạn 2021 – 2030.

1.4. Đối với phân vùng môi trường

Theo Phụ lục XIII. Phương án phân vùng môi trường tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030 kèm theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; vị trí của cơ sở không thuộc vùng hạn chế phát thải và vùng bảo vệ nghiêm ngặt.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở không thay đổi nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn, nước thải từ hoạt động chăn nuôi, ... so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Nước thải chăn nuôi sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Nội dung sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không có sự thay đổi, do đó Chủ cơ sở không thực hiện đánh giá lại nội dung này trong báo cáo.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa trong khuôn viên trang trại được tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

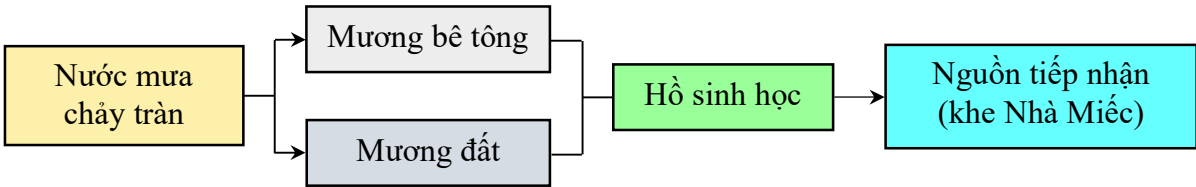
- Nước mưa được thu gom theo hệ thống mương bê tông và mương đất dọc theo các chuồng nuôi, kích thước (rộng × sâu): 0,5m × 0,3m.

- Hướng thoát nước mưa từ Tây Bắc sang Đông Nam, sau đó dẫn ra hồ sinh học và cuối cùng thoát vào khe Nhà Miéc phía Đông cơ sở. Điểm thoát nước mưa có vị trí theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰) là: X = 2057384, Y = 529933

Bảng 3.1. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa

STT	Đối tượng	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương bê tông	m	950
2	Mương đất	m	700
3	Cửa xả	cái	1

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của trang trại



Hình 3.2. Hệ thống mương thoát nước mưa bằng bê tông



Hình 3.3. Mương đất thoát nước mưa

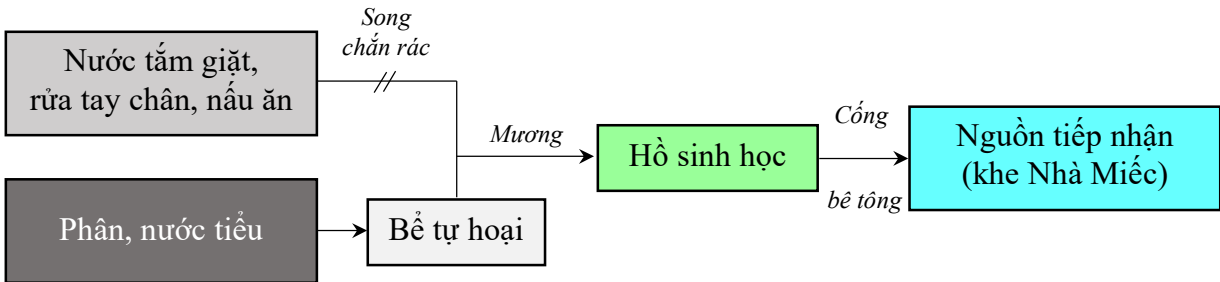


Hình 3.4. Điểm thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Đối với nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu): Được thu gom vào bể tự hoại đặt dưới công trình nhà vệ sinh.
- Nước thải sau khi được xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn kết hợp với nước thải từ quá trình tắm, giặt, rửa tay chân, nấu ăn, ... được dẫn ra hồ sinh học.
- Nước thải sau khi qua hồ sinh học được xả thải ra môi trường tiếp nhận (khe Nhà Miéc) bằng cống BTCT Ø300.



Hình 3.5. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của trang trại

Bảng 3.2. Bảng tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

STT	Dòng nước thải	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Nước thải sinh hoạt	Ống nhựa PVC D110	m	120
		Bể tự hoại cải tiến Bastaf 4 ngăn	m ³	4

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

1.2.2. Đối với nước thải chăn nuôi

Hiện nay cơ sở chỉ chăn nuôi gà thịt và gà đẻ trứng, hoạt động vệ sinh chuồng trại được thực hiện với tần suất 2 lần/năm sau mỗi đợt xuất bán gà, quy trình cụ thể như sau:

- Thu gom lớp đệm lót sinh học vào các bao bì chứa thức ăn và được vận chuyển bởi người địa phương để tận dụng làm phân bón hữu cơ cho cây trồng.

- Phun thuốc sát trùng tại các khu vực trần, cách ngăn, tường, nền chuồng, máng ăn uống.

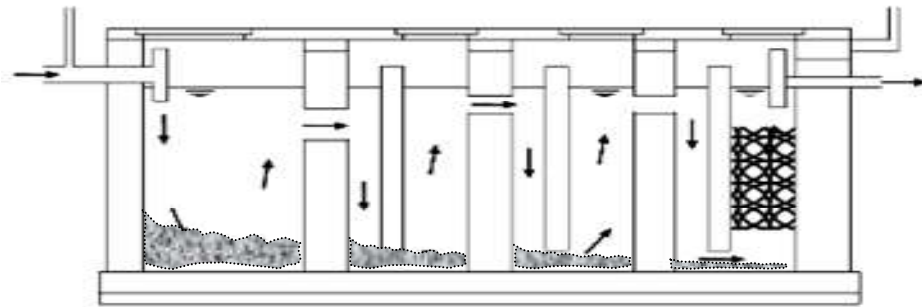
Nhằm hạn chế độ ẩm cao và đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh trong các chuồng nuôi, Chủ cơ sở không thực hiện việc xịt rửa chuồng trại sau khi xuất bán gia cầm nên nước thải chăn nuôi tại cơ sở thực tế không phát sinh.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải từ quá trình tắm, giặt, rửa tay chân, nấu ăn, ...: Được dẫn vào hồ sinh học.

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu) được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại cải tiến Bastaf 04 ngăn (dung tích 4m³) trước khi theo đường ống thoát nước thải dẫn về hệ thống hồ sinh học. Lượng bùn dư được Chủ cơ sở liên hệ với đơn vị có chức năng định kỳ bơm hút và xử lý.



Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại cải tiến BASTAF

1.3.2. Nước thải chăn nuôi

Cơ sở không phát sinh nước thải chăn nuôi nên Chủ cơ sở không trình bày nội dung này trong báo cáo đề xuất cấp GPMT.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển thức ăn, xuất bán sản phẩm, gà để thải loại sau 1 năm nuôi và đệm lót sinh học

- Toàn bộ hệ thống các tuyến đường nội bộ được bê tông hóa; khoảng cách từ đường vào chuồng nuôi đảm bảo hợp lý.

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ.

- Phương tiện vận chuyển thức ăn, vận chuyển sản phẩm và phân đi tiêu thụ là xe chuyên dụng, được đóng kín thùng xe, phủ bạt để hạn chế phát sinh mùi ra môi trường.

2.2. Đối với mùi hôi, khí thải từ khu vực chuồng nuôi

- Chuồng trại được thiết kế đúng tiêu chuẩn chuồng nuôi kín: Chuồng nuôi được xây dựng kín (tường được xây gạch kín từ chân tường đến mái che), phía dưới mái tôn là trần có lớp cách nhiệt, có thiết bị quạt hút thông thoáng đặt đối lưu hai đầu chuồng, tốc độ lưu thông không khí được kiểm soát và điều chỉnh tự động theo mức từ $0 \div 2,5$ m/s.

- Tại các khu chuồng nuôi đã lắp đặt quạt hút để làm thông thoáng chuồng trại và giảm mùi hôi phát sinh. Nhờ lực hút của các quạt hút đặt ở cuối chuồng nuôi, độ ẩm trong chuồng khá thấp, đảm bảo hạn chế đến mức thấp việc phát triển của các vi khuẩn phân hủy chất hữu cơ gây mùi, vì vậy sẽ góp phần giảm thiểu mùi và ruồi nhặng, chuột, gián, ... trong khu vực chăn nuôi.

- Thực hiện vệ sinh khu vực chuồng trại chăn nuôi sau mỗi đợt xuất bán gà, tần suất vệ sinh tại cơ sở là 2 lần/năm.

- Hiện trang trại đã lắp đặt tường bao bằng tôn (cao 2m) xung quanh trang trại để hạn chế mùi hôi phát tán ra xa.



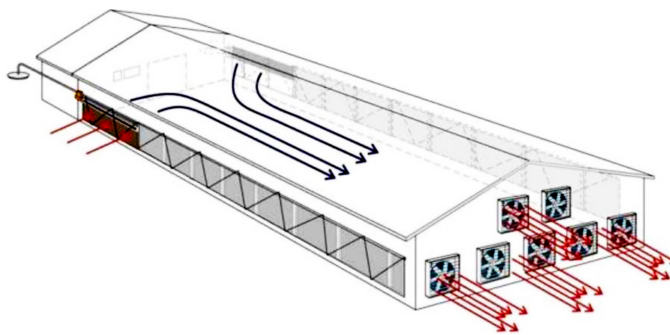
Hình 3.7. Hệ thống quạt hút và làm mát tại trang trại

- Thông gió chuồng trại:

+ Chuồng trại được thiết kế cao ráo, thông thoáng, mái chuồng được lợp bằng tôn mạ màu, có hệ thống cửa sổ, cửa ra vào, bố trí các ô thoáng thông gió đảm bảo quá trình lưu thông không khí bên trong cũng như bên ngoài tạo cảm giác dễ chịu cho gia cầm.

+ Ngoài ra, trang trại còn lắp đặt hệ thống Cooling Pad làm mát chuồng trại, nguyên lý hoạt động của hệ thống như sau: một bên sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút và bên còn lại sẽ được lắp đặt các tấm tản nhiệt làm mát. Khi quạt hút hoạt động không khí trong chuồng được hút ra tạo sự chênh lệch áp suất giữa bên trong và bên ngoài chuồng,

không khí bên ngoài sẽ đi qua tấm làm mát Cooling Pad (đã được tưới nước, nước bơm tưới liên tục lên màng lưới bằng giấy thông qua bộ van tự động cấp - xả), tại đây xảy ra sự trao đổi nhiệt độ giữa không khí và nước, giúp nhiệt độ không khí giảm đến 15⁰C so với nhiệt độ bên ngoài mang lại lượng gió tươi mát, giàu oxy và độ ẩm phù hợp cho sức khỏe vật nuôi.



Hình 3.8. Mô hình hệ thống Cooling Pad tại trang trại

2.3. Đối với khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

- Máy phát điện được bố trí tại nhà để máy phát điện, có vị trí tại khu vực cuối dãy chuồng nuôi. Máy phát điện dự phòng được đặt tại khu vực thông thoáng, cách xa khu nhà ăn + nghỉ nhân viên nên hạn chế ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân viên làm việc tại trang trại.

- Máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện. Vì là nguồn thải không thường xuyên, chỉ hoạt động khi mất điện và chủ cơ sở chọn sử dụng nhiên liệu dầu DO (hàm lượng S là 0,05%) nên các chất ô nhiễm không vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Do tính chất gián đoạn của nguồn thải nên giải pháp xử lý khí thải cho máy phát điện không khả thi về kinh tế và vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện 6 tháng/lần.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Khối lượng phát sinh

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt (thức ăn thừa, thực phẩm hư hỏng, túi nilon, hộp xốp, giấy vụn, ...): khoảng 2,5 kg/ngày, tương đương 75 kg/tháng.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bảng 3.3. Tổng hợp khối lượng CTR CNTT phát sinh tại trang trại

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh	
			Theo ĐTM	Thực tế
1	Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi			
	- Chăn nuôi bò	kg/ngày	1	0

	- Chăn nuôi gà	kg/ngày	8	8
2	Phân thải			
	- Phân bò	kg/ngày	3.000	0
	- Phân gà	kg/ngày	7.700	7.700
3	Thức ăn thừa trong chăn nuôi gà	kg/ngày	26,5	26,5
4	Gia súc, gia cầm chết không do dịch bệnh			
	- Bê con	kg/năm	200	0
	- Gà	kg/năm	1.655,5	100
5	Bùn cặn			
	- Bể tự hoại	m ³ /2 năm	0,6	0,6
	- Hầm Biogas	m ³ /2 năm	37,5	0
	- Hệ thống XLNT	m ³ /6 tháng	2	0
	- Hồ sinh học	m ³ /2 năm	160	160

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

3.2. Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý

3.2.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

a. Phương án thu gom, phân loại

Công tác thu gom, phân loại được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số: 15/2023/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

- Đối với chất thải rắn vô cơ có khả năng tái sử dụng (giấy, bìa carton, túi nilon, hộp đựng thức ăn, ...): Đựng trong thùng chứa rác có nắp đậy màu đỏ, lót túi nilon màu đỏ.
- Đối với chất thải rắn hữu cơ (thức ăn thừa, thực phẩm hư hỏng, ...): Đựng trong thùng chứa rác có nắp đậy màu xanh, lót túi nilon màu xanh.
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: Đựng trong thùng chứa rác có nắp đậy màu vàng, lót túi nilon màu vàng.
- Bên ngoài các chứa đựng rác dán nhãn phân loại từng loại chất thải.

Bảng 3.4. Khu vực bố trí thùng chứa CTR sinh hoạt

STT	Loại thùng chứa	Khu vực bố trí	Số lượng
1	Dung tích 10 lít	Nhà ăn + nghỉ nhân viên	01 thùng
		Khu vực chuồng nuôi	05 thùng
		Nhà bếp	01 thùng
		Nhà vệ sinh	01 thùng
3	Dung tích 120 lít	Nhà ăn + nghỉ nhân viên (khu vực tập kết tạm thời rác thải)	03 thùng

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

b. Phương án lưu giữ

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại trang trại được thu gom và vận chuyển về 03 thùng chứa rác (dung tích 120 lít có nắp đậy) tại khu vực lưu chứa bởi công nhân với tần suất ít nhất 1 lần/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt được lưu giữ tại khu tập kết chất thải rắn (khu vực nhà ăn + nghỉ nhân viên) có diện tích: 14m²; có cao độ nền bảo đảm không ngập lụt, mặt sàn được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn và có mái che nắng, mưa cho toàn bộ khu vực

c. Phương án xử lý

- Đối với chất thải rắn vô cơ có khả năng tái sử dụng (giấy, bìa carton, túi nilon, hộp đựng thức ăn, ...): Được thu gom và định kỳ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với chất thải rắn hữu cơ (thức ăn thừa, thực phẩm hư hỏng, ...): Tận dụng để ủ phân và bón cho cây trồng trong khuôn viên trang trại.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: Liên hệ với đơn vị môi trường tại địa phương để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định (*theo Hợp đồng dịch vụ thu gom rác thải rắn sinh hoạt số: 02/2024/CD-HĐKT ngày 15/10/2024 giữa UBND xã Cổ Đàm và Chủ cơ sở, được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo*).

3.2.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Đối với bao bì thức ăn chăn nuôi, chai lọ

- Bao bì đựng thức ăn được trả lại cho nhà cung cấp hoặc tận dụng làm bao chứa đệm lót sinh học sau mỗi đợt nuôi.

- Chai lọ đựng hóa chất khử trùng, thuốc thú y được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa CTNH.

b. Đối với phân gà, đệm lót sinh học

Sau 1 đợt nuôi (3 tháng đối với gà thịt và 1 năm đối với gà đẻ), Chủ cơ sở thu gom toàn bộ phân gà + đệm lót sinh học tại chuồng nuôi sau đó đóng bao và cho các hộ dân tại địa phương để làm phân bón hữu cơ, hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý đúng quy định.

d. Đối với xác gia cầm chết

d₁. Trường hợp gia cầm chết không do dịch bệnh

Gia cầm chết không do dịch bệnh sẽ được thu gom và xử lý bằng biện pháp băm nhỏ, nấu chín để tận dụng làm thức ăn cho cá tại khu vực hồ chứa nước phía Bắc trang trại (*hiện đã được Chủ cơ sở thuê để nuôi cá*).

d₂. Trường hợp gia cầm chết do dịch bệnh

- Khi gà chết không rõ nguyên nhân, gà chết do bệnh (không thuộc danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới) hoặc gà chết do dịch bệnh động vật (thuộc danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm), Chủ cơ sở thực hiện khai báo ngay cho chính quyền địa phương và cho cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất.

- Gia cầm chết do dịch bệnh được chôn lấp tại khu xử lý xác gà chết, có vị trí ở phía Tây trang trại (diện tích khoảng 1.000 m²). Quy trình chôn lấp theo quy định tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và các quy định khác có liên quan.

- Các bước tiến hành chôn gia cầm như sau:

+ Gà chết dịch được công nhân thu gom, vận chuyển thủ công bằng xe đẩy tay đến khu vực chôn lấp;

+ Làm chết gà trước khi tiêu hủy. Sau khi đào hố, cho gà chết xuống hố, rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất cho bằng miệng hố và nén chặt. Trọng lượng của đất có tác dụng ngăn chặn động vật, vi sinh vật đào bới, phân hủy xác ngoài tự nhiên và giúp cho việc khử mùi, hấp thụ nước bẩn tạo ra do phân hủy;

+ Đắp thêm đất ở trên miệng hố theo hình chóp cụt với chiều cao khoảng 0,6 ÷ 1m và rộng ra xung quanh miệng hố 0,3 ÷ 0,4m để tránh nước mưa chảy vào hố chôn;

+ Phía ngoài khu vực hố chôn, cách khoảng 1m, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 ÷ 30cm và sâu 20 ÷ 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa ra thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố chôn;

+ Trên bề mặt hố chôn, rắc vôi bột với lượng 0,8 kg/m², hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 ÷ 0,25 lít/m² để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác;

+ Sau khi hoàn tất việc chôn, phải đặt biển cảnh báo khu vực chôn lấp, cử người quản lý hố chôn trong 1 ÷ 2 ngày đầu để tránh việc đào bới lấy xác gây hậu quả nguy hiểm, hạn chế sự qua lại của người hay vật nuôi quanh khu vực chôn lấp.

e. Đối với bùn cặn

- Bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ sinh học được Chủ cơ sở tận dụng để bón cây trong trang trại (bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước 1 năm/lần, bùn nạo vét từ hồ sinh học 2 năm/lần).
- Bùn phát sinh từ bể tự hoại: Được chủ cơ sở liên hệ với đơn vị có chức năng để thực hiện bơm hút và đưa đi xử lý với tần suất khoảng 2 năm/lần.

3.3. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Bảng 3.5. Thông tin công trình lưu giữ CTR thông thường

STT	Tên chất thải	Khu vực lưu giữ / xử lý	Diện tích
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Nhà ăn + nghỉ nhân viên	14 m ²
2	Thiết bị chăn nuôi hỏng	Nhà kho	28 m ²
3	Bao bì thức ăn chăn nuôi	Nhà kho	28 m ²

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Khối lượng phát sinh

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại ước tính như sau:

Bảng 3.6. Khối lượng chất thải nguy hại ước tính phát sinh tại trang trại

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/tháng)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1	Rắn	NH
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	0,5	Rắn	KS
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	0,5	Rắn/lỏng	NH
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	0,5	Rắn	NH
5	Chất thải lây nhiễm (kim tiêm)	13 02 01	0,5	Rắn	NH
6	Gia cầm chết do dịch bệnh (*)	14 02 01	1	Rắn	NH
TỔNG			4		

(Nguồn: Hộ kinh doanh Dương Văn Việt, 2024)

- Ghi chú:*
- NH: Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp;
 - KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT).
 - (*) Gia cầm chết do dịch bệnh phát sinh không thường xuyên và tùy theo diễn biến dịch bệnh hàng năm, khối lượng phát sinh chỉ mang tính chất ước lượng.

- Đối với các mã CTNH phân loại được kiểm soát theo CTNH hoặc CTRCNTT, Chủ cơ sở cam kết sẽ thực hiện phân định chất thải hoặc định kỳ thu mẫu trước khi chuyển giao theo chất thải thông thường, đảm bảo kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành.

4.2. Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý

4.2.1. Thu gom, phân loại

- Các loại CTNH được phân loại tại nguồn và lưu chứa vào các thùng nhựa composite có dung tích từ 50 ÷ 120 lít/thùng, có dán nhãn CTNH theo từng loại, các loại CTNH được phân loại bao gồm:

- + Bơm kim tiêm từ hoạt động tiêm vaccin.
- + Các loại CTNH khác như giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang, ...
- Ban hành nội quy kho chứa CTNH và tiếp tục thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của trang trại:
 - + Quản lý, xuất nhập kho chứa CTNH theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy trình.
 - + Không tháo gỡ, di chuyển hoặc làm giảm hiệu quả của các biển báo, các thiết bị chống đổ tràn hóa chất, thiết bị thu gom trong tình huống đổ tràn.
 - + Không để dầu mỡ, hóa chất rơi vãi ra ngoài phạm vi khu vực kho hoặc đổ vào môi trường đất, môi trường nước.
 - + Mang đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động theo đúng quy định khi tiếp xúc với CTNH.
 - + Không sử dụng chất kích thích như rượu, bia hay các chất tương tự khi làm việc trong kho CTNH.
 - + Không hút thuốc hoặc mang vật và chất nổ vào khu vực kho CTNH.
 - + Thường xuyên kiểm tra các bình cứu hỏa, các hệ thống PCCC và các trang thiết bị trong kho CTNH.
 - + Các nhân viên và lái xe giao nhận CTNH có trách nhiệm phối hợp với các cán bộ quản lý kho CTNH để thực hiện đúng hướng dẫn, quy định trong quá trình thu gom, vận chuyển CTNH.
 - + Tuân thủ quy trình ứng phó sự cố đã được ban hành trong các tình huống khẩn cấp (nếu có xảy ra).
 - + Tất cả nhân viên có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định này và báo cáo các trường hợp vi phạm cho cán bộ phụ trách An toàn – Môi trường của trang trại.

- Đối với gia cầm chết do dịch bệnh:

+ Chủ cơ sở sẽ báo cáo với Ban chỉ đạo phòng chống dịch hại vật nuôi địa phương theo đúng hướng dẫn của ngành Nông nghiệp, đồng thời thực hiện xử lý xác gà chết do dịch bệnh theo hướng dẫn của chính quyền và cơ quan thú y địa phương và để tìm nguyên nhân gây bệnh, phòng chống dịch bệnh lây lan. Quá trình xử lý bằng biện pháp chôn lấp được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; và các quy định hiện hành của pháp luật về thú y và môi trường.

+ Bãi chôn lấp có diện tích khoảng 1.000m², có vị trí tại khu vực phía Tây trang trại.

4.2.2. Lưu giữ

- Các loại chất thải nguy hại đều được phân loại tại nguồn, sau đó được tập kết về khu vực kho chứa CTNH. Tại khu vực kho chứa, CTNH được sắp xếp theo từng nhóm mã CTNH đúng với yêu cầu pháp luật về quản lý chất thải nguy hại. Dán nhãn chất thải bao gồm các thông tin sau:

+ Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.

+ Dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại – dấu hiệu cảnh báo”.

- Các thông số kỹ thuật của kho CTNH như sau:

+ Diện tích: 15 m², kích thước (dài × rộng) là: 5m×3m.

+ Vị trí kho lưu chứa theo hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3⁰): X = 2057694; Y = 529694.

+ Kết cấu của kho CTNH: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép; mái lợp tôn; nền bê tông chống thấm; tường xây gạch; cửa có dán biển kho CTNH bên ngoài.

- Trong kho CTNH được trang bị các trang thiết bị PCCC như: thùng đựng cát, xẻng, bình chữa cháy, ...

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh tại trang trại chủ yếu từ phương tiện vận chuyển gà, thức ăn chăn nuôi và các phương tiện vận chuyển khác phục vụ cho hoạt động của trang trại; tiếng ồn từ hoạt động của gà (tiếng gà kêu) tại các chuồng nuôi; tiếng ồn từ động cơ điện như quạt hút, máy phát điện dự phòng, máy bơm nước, ... các nguồn gây ồn không đáng kể do trại nuôi được xây dựng kín, các phương tiện vận chuyển không lưu thông thường xuyên,

trang trại có khuôn viên rộng lớn. Bên cạnh đó, Chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu tiếng ồn:

- Cho gà ăn đúng giờ để hạn chế tiếng ồn từ quá trình sinh hoạt của gà.
- Bố trí chuồng nuôi thông thoáng.
- Có chế độ bảo trì định kỳ 03 tháng/lần như: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị máy móc hư hỏng.
- Hạn chế hoạt động xuất nhập gà vào thời gian cao điểm.
- Tắt tất cả các máy móc, phương tiện khi không cần thiết.
- Máy phát điện dự phòng được đặt tại khu vực cuối dãy chuồng nuôi, cách xa nhà ăn + nghỉ công nhân nhằm hạn chế độ ồn đến cán bộ, công nhân viên làm việc tại trang trại.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Kể từ thời điểm bắt đầu hoạt động chăn nuôi đến nay, tại trang trại chưa có trường hợp xảy ra rủi ro, sự cố môi trường. Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của cơ sở như sau:

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Đối với sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước:
 - + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ bộ phận và độ kín khít an toàn nhất.
 - + Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mương thu gom nước mưa chảy tràn nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát.
 - + Mương thoát nước thải được định kỳ được nạo vét nhằm tăng khả năng thu gom nước thải.
- Đối với sự cố tắc ống thoát nước:
 - + Tất cả các lỗ thoát nước đều có tấm lọc cặn, rác để tránh cặn, rác đi vào làm tắc ống thoát nước.
 - + Khi xảy ra sự cố tắc ống thoát nước, liên hệ ngay cho đơn vị có chuyên môn đến xử lý.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải

- Bảo dưỡng, bảo trì là công việc cần được thực hiện định kỳ để hệ thống thông gió chuồng trại có thể vận hành một cách tốt nhất, hạn chế tối đa mọi hư hỏng có thể xảy ra cũng như giúp tiết kiệm điện năng. Kiểm tra thay mới các đường ống dẫn nước làm mát, kiểm tra các mối nối để hạn chế việc rò rỉ nước ra bên ngoài.

- Đối với quạt hút: thường xuyên bảo trì các thiết bị, kiểm tra nguồn điện xem điện áp cung cấp chính đã phù hợp với thông số của quạt hay chưa, hệ thống van cần đảm bảo đóng mở bình thường. Kiểm tra các thiết bị tắt chuyển mạch hoặc ngắt kết nối cũng như cầu chì. Kiểm tra dây đai đảm bảo không quá lỏng, tránh tình trạng trượt đai hoàn toàn. Thay thế thiết sót (khuyết điểm) trên vòng bi và tra dầu bôi trơn.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

6.3.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố dịch bệnh

a. Phương án phòng ngừa dịch bệnh

- Quản lý chương trình vacxin và phòng chống dịch bệnh: Trước khi bắt đầu một lứa nuôi mới, Chủ cơ sở tiến hành làm sạch, phun thuốc sát trùng toàn bộ chuồng trại. Nhân viên tại cơ sở nhận trâu từ phòng thu mua của và tiến hành khử khuẩn theo công thức của bác sĩ thú y, sau đó nhập gà một ngày tuổi đã được tiêm ngừa vaccine. Bất chế độ điều tiết môi trường vi khí hậu theo từng ngày tuổi của gà. Tiến hành kiểm tra sức khỏe và mầm bệnh trên gà bằng cách tiến hành thu mẫu định kỳ theo chu kỳ tuổi. Trong phòng ngừa bệnh, gà còn được kiểm soát lượng kháng sinh để đáp ứng tiêu chuẩn.

- Vệ sinh cơ bản: Ngay cổng ra vào trang trại có bố trí khu vực sát trùng và hệ thống máy phun sát trùng cho bất cứ phương tiện nào đi ra vào trại.

- Vệ sinh chuồng nuôi: Sau mỗi đợt xuất chuồng, toàn bộ trâu và phân được dọn sạch, vệ sinh chuồng trại và phun thuốc sát trùng cho các chuồng.

- An toàn vệ sinh thú y: Chương trình vệ sinh phòng dịch tuân thủ tuyệt đối theo chương trình vệ sinh phòng dịch quốc gia. Bên cạnh đó trại cũng có chương trình phòng dịch riêng của các chuyên gia vạch ra nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho sức khỏe của đàn gà và môi trường.

- An toàn sinh học, phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi: Chương trình an toàn sinh học là việc áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa vật nuôi và mầm bệnh nhằm đảm bảo cho đàn vật nuôi được hoàn toàn khỏe mạnh và không bị dịch bệnh.

- Các nguyên tắc cơ bản trong thực hành chăn nuôi an toàn sinh học:

- + Đàn vật nuôi phải được nuôi trong một môi trường được bảo vệ;
- + Đàn vật nuôi phải được chăm sóc nuôi dưỡng tốt;
- + Tất cả mọi sự di chuyển ra vào trại và giữa các khu vực trong trại đều phải được kiểm soát nghiêm ngặt.

- Các biện pháp thực hành an toàn sinh học:

- + Thực hiện chế độ nuôi chuồng kín đối với từng dãy nhà nuôi;
- + Chăn nuôi và kiểm soát dịch bệnh theo từng dãy nhà trong trại;
- + Tất cả người và phương tiện phải đi qua khu vực sát trùng ở lối vào trang trại;
- + Cọ rửa ủng và bánh xe ngay khi ra khỏi dãy chuồng và sau đó đi qua khu vực phun sát trùng;
- + Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy chuồng. Cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng;
- + Cố định công nhân theo dãy chuồng hoặc khu vực chăn nuôi;
- + Sử dụng con giống an toàn dịch bệnh: Nhập giống gia cầm từ các đơn vị cung cấp giống an toàn về dịch bệnh và các bệnh truyền nhiễm quan trọng;
- + Phòng bệnh bằng vắc xin: Tùy theo giống vật nuôi mà thực hiện các chương trình tiêm phòng vắc xin khác nhau theo quy định của cơ quan thú y;
- + Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại trong thời gian quy định;
- + Trong điều kiện không có dịch bệnh, định kỳ phun thuốc sát trùng khu vực đệm;
- + Trong trường hợp trại đang nằm trong vùng dịch hoặc vùng bị dịch uy hiếp thì phải phun thuốc sát trùng mỗi tuần 2 lần.
- Kiểm soát di chuyển khi ra vào trại:
 - + Các phương tiện vào trại phải được rửa sạch bằng vòi phun nước áp lực cao. Sau đó, đi qua khu vực sát trùng;
 - + Người vào trại bắt buộc phải vệ sinh theo quy trình sau:
 - * Tắm và gội đầu
 - * Thay quần, áo, mũ, ủng
 - * Mặc quần, áo, mũ, ủng mới của trại đã được giặt và sát trùng
 - * Đi qua bể sát trùng để vào trại
 - + Huấn luyện nhân viên: Hướng dẫn mọi cán bộ và công nhân của trại để họ hiểu rõ và có kỹ năng thực hiện tốt tất cả các biện pháp an toàn sinh học áp dụng ở trại.

b. Phương án giám sát dịch bệnh

Cơ sở đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo Luật Thú y, Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, Thông tư số 07/2016/TT-BNN ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015 của Bộ Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn, QCVN 01-14:2010/BNNT pháp phòng chống dịch bệnh theo Luật Thú y được thể hiện như sau:

- Phối hợp với cơ quan thú y tại địa phương tiến hành giám sát dịch bệnh định kỳ 1 tháng/lần.
- Định kỳ 1 lần/tuần phun thuốc sát trùng chuồng trại, vệ sinh thức ăn, nước uống, dụng cụ chăn nuôi. Hạn chế tối đa người ra vào trại, người ra vào khu chuồng nuôi phải mặc quần áo, khử trùng.
- Người và các phương tiện vận chuyển trước khi vào trang trại phải được sát trùng ở cổng.
- Tiêm phòng vacxin theo lịch trình.
- Duy trì nhiệt độ chuồng nuôi, giữ chuồng luôn khô sạch.
- Tăng cường dinh dưỡng: Trong khẩu phần ăn hàng ngày đảm bảo đầy đủ dưỡng chất để tăng cường miễn dịch, giảm nguy cơ nhiễm bệnh.
- Thường xuyên liên lạc với cơ quan thú y địa phương để nắm bắt thông tin về tình hình phát sinh dịch bệnh, công tác phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh.
- Giám sát, phát hiện, báo cáo kịp thời gà bị bệnh. Bảo đảm khi có dịch phải thông kê đầy đủ, khai báo đúng để chính quyền và cơ quan thú y tại địa phương có các biện pháp xử lý theo quy định, không để dịch lây lan rộng và lây sang người.
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra sức khỏe đàn gà, nhằm phát hiện sớm, để nuôi cách ly, điều trị kịp thời. Trường hợp gà mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hoặc chết nhiều không rõ nguyên nhân phải báo ngay với nhân viên thú y xã, trưởng thôn và chính quyền địa phương để xử lý kịp thời.
- Ngoài ra, trại chăn nuôi sẽ thực hiện tốt 05 không: Không giấu dịch; Không bán chạy gia cầm bị bệnh; Không vận chuyển gia cầm và sản phẩm gia cầm bị bệnh; Không ăn thịt gia cầm chết hoặc không rõ nguồn gốc; Không vứt xác gia cầm ốm, chết ra ngoài môi trường xung quanh.

c. Biện pháp xử lý và phòng chống khi xảy ra dịch bệnh

- Biện pháp phòng tránh chung trong vùng chưa có dịch:
 - + Không tiếp xúc với gia cầm, trừ trường hợp bắt buộc;
 - + Người chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, giày dép ở khu vực riêng
- Biện pháp phòng tránh trong vùng dịch:

+ Trường hợp xảy ra dịch bệnh, đưa gà bị dịch bệnh vào chuồng nuôi gà cách ly để điều trị và tiêm phòng dịch bệnh cho toàn đàn gà; không bán chạy gà ốm và nghi ốm do dịch; báo cáo nhanh với cơ quan chức năng tại địa phương để được phối hợp, xử lý kịp thời; thông báo rộng rãi bằng phương tiện thông tin đại chúng về nơi phát hiện dịch và bùng phát dịch bệnh; nghiêm cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ qua lại, ra vào nơi có dịch; làm rào chắn ngăn người và phương tiện từ ổ dịch đi ra; phun tiêu độc khử trùng các phương tiện ra vào trang trại theo đúng quy định;

+ Khi xảy ra dịch bệnh, Chủ cơ sở sẽ báo cáo với Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm địa phương theo đúng hướng dẫn của ngành Nông nghiệp, đồng thời thực hiện xử lý xác gà chết do dịch bệnh theo hướng dẫn của chính quyền và cơ quan thú y địa phương để có biện pháp xử lý thích hợp, đúng quy định và để tìm nguyên nhân gây bệnh, phòng chống dịch bệnh lây lan. Quá trình xử lý theo đúng QCVN 01-41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật, các quy định hiện hành của pháp luật về thú y và môi trường, ...;

+ Người chăn nuôi, người vận chuyển, kiểm tra và tiêu hủy gia cầm phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động:

- * Mặc quần áo bảo hộ liền bộ, dài tay, không thấm nước;
- * Đeo găng tay cao su loại dày đã được khử trùng;
- * Đeo khẩu trang; đeo kính bảo hộ; đội mũ bảo hộ; đi ủng cao su;
- * Những người tiếp xúc với gia cầm bệnh cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng;
- * Những người đã tiếp xúc với gia cầm bệnh, khi thấy có biểu hiện như ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

- Phương pháp tiêu độc khử trùng đối với chuồng trống:

+ Bước 1. Làm sạch cơ học khu vực chăn nuôi

- * Tháo dỡ các vật dụng trong chuồng nuôi và xếp gọn ở ngoài để vệ sinh, tiêu độc;
- * Thu gom toàn bộ phân rác và mang ra ngoài để ủ hoặc đốt;
- * Làm sạch bụi, mạng nhện trên trần, vách, tường trong và ngoài chuồng nuôi;
- * Dùng nước sạch rửa toàn bộ nền, vách, tường, máng ăn, máng uống, sau đó dùng nước xà phòng hoặc dung dịch NaHCO_3 2 ÷ 3% để rửa;
- * Nước rửa chuồng được thu gom, dẫn chảy vào hệ thống xử lý chung của trại.

+ Bước 2. Phun thuốc sát trùng

- * Thuốc sát trùng có thể dùng là Chlorine 2-5%, BKC 80%, BKA, Formol, iodine;
- * Thuốc sát trùng được phun làm ướt đầm bề mặt theo thứ tự sau:
 - . Trần, vách ngăn, tường theo chiều từ trên xuống theo đường zích zắc với lượng $80 \div 100\text{ml}/1\text{m}^2$;
 - . Sau đó phun thuốc trên nền chuồng, máng ăn, máng uống theo đường zích zắc với lượng $80 \div 100\text{ml}/1\text{m}^2$;
 - . Để trống chuồng 15 -30 ngày.
- * Trước khi nuôi trở lại tiến hành tiêu độc khử trùng lần thứ 2 tương tự như trên;
- * Sau ít nhất $3 \div 7$ ngày, tiến hành đưa vật nuôi vào chuồng.
- Phương pháp tiêu độc khử trùng đối với dụng cụ chăn nuôi:
 - + Thu dọn vật dụng chăn nuôi ra khỏi chuồng, làm sạch cơ học;
 - + Dùng nước rửa sạch dụng cụ trước khi sát trùng;
 - + Ngâm máng ăn, máng uống trong dung dịch chlorine 5% hoặc glutaraldehyde 2% trong thời gian ít nhất $60 \div 120$ phút;
 - + Phơi khô dưới ánh nắng mặt trời;
 - + Các dụng cụ khác không thể rửa hoặc phun thuốc sát trùng được, dùng hỗn hợp formol + KMnO_4 để xông.
- Phương pháp tiêu độc khử trùng đối với xe, phương tiện vận chuyển:
 - + Bao gồm các đối tượng: xe vận chuyển thức ăn, thiết bị chăn nuôi, xe chở phân hoặc xác chết gia súc, gia cầm đi tiêu hủy;
 - + Thu gom, quét sạch phân rác, chất thải trong xe;
 - + Rửa bằng nước xà phòng sau đó rửa lại bằng nước sạch;
 - + Phun thuốc sát trùng $80 \div 120 \text{ ml}/\text{m}^2$ diện tích sàn, phun cả trong và ngoài thành xe.
- Phương pháp tiêu độc khử trùng đối với khu vực chôn lấp gia cầm chết:
 - + Tập trung các bao chứa xác gia cầm trước khi vận chuyển đến hố chôn;
 - + Phun thuốc sát trùng Chloramine B nồng độ $2 \div 3\%$ trên đóng bao chứa xác để hạn chế sự phát tán mầm bệnh trong quá trình vận chuyển;
 - + Sau khi hoàn tất việc chôn lấp, trải lớp vôi bột với lượng $0,8 \div 1 \text{ kg}/\text{m}^2$ lên bề mặt hố chôn và khu vực để xác gia cầm chờ chôn lấp.

- Phương pháp tiêu độc khử trùng đối với người tham gia tiêu hủy:
 - + Những người tham gia thu gom, giết, huỷ, lấy bệnh phẩm... có tiếp xúc với gia súc, gia cầm mắc bệnh phải thực hiện các biện pháp khử trùng cá nhân.;
 - + Quần áo, mũ, ủng, kính loại dùng nhiều lần, cần tiêu độc khử trùng bằng cách nhúng vào một trong dung dịch thuốc sát trùng glutaraldehyde 2%, chlorine 2 ÷ 3% trong 5 ÷ 10 phút sau khi sử dụng, sau đó giặt lại bằng nước sạch, phơi khô;
 - + Sát trùng tay bằng cồn 70%, virkon hoặc xà phòng có chứa phenol chuyên dùng. Không được rửa tay bằng các loại thuốc sát trùng gây kích ứng như formol, chlorine, dung dịch kiềm;
 - + Xúc miệng bằng các dung dịch sát khuẩn miệng của cơ sở y tế;
 - + Đốt bỏ hoặc chôn lấp những loại quần áo bảo hộ, khẩu trang, dụng cụ chỉ dùng 1 lần sau khi sử dụng.

6.3.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Do đó, Chủ cơ sở chủ động thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ như sau:

- Xây dựng nội quy an toàn cháy nổ cho công nhân làm việc trong trang trại.
- Tại các thiết bị điện phải có cầu dao đóng ngắt điện tự động khi có sự cố chập điện xảy ra.
- Đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy (nước ở bể nước, nước hồ chứa).
- Trang bị hệ thống PCCC gồm: Các bình chữa cháy cầm tay, máy bơm nước PCCC, đường ống dẫn nước và các lăng vòi bố trí xung quanh hệ thống khu vực chuồng nuôi, nhà ăn + nghỉ nhân viên.
- Thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng nhu cầu chữa cháy tại chỗ.

6.3.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

a. Phòng ngừa tai nạn lao động

- Thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt.

- Về an toàn kỹ thuật điện: Cơ sở sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy.

- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động.

- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng...

- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ.

- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ.

- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và

thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa, ...

b. Ứng phó tai nạn lao động

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động.

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện, tại vị trí dễ thấy để liên hệ.

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

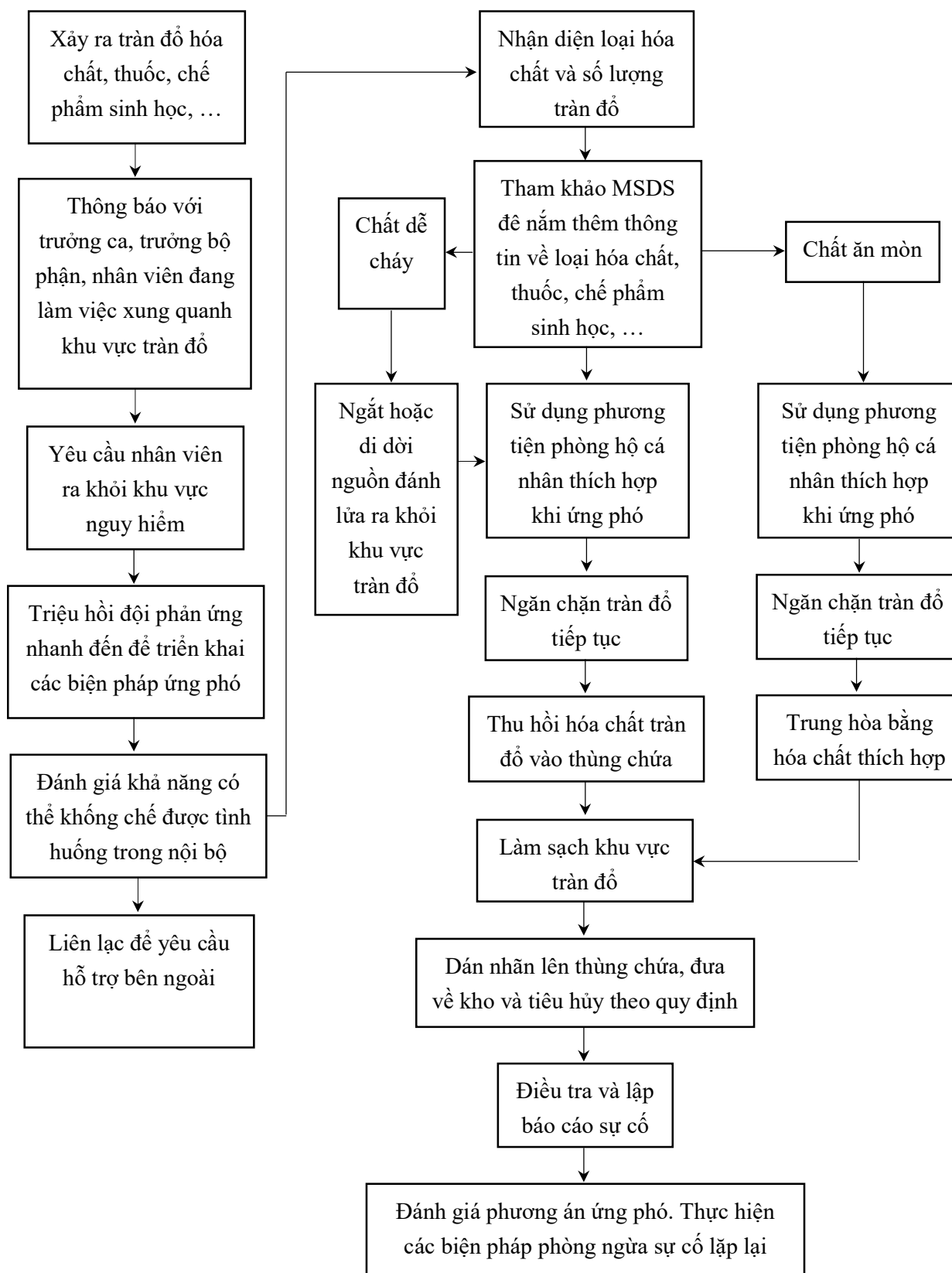
6.3.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, thuốc, chế phẩm sinh học

- Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải được tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển; Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc và Quyết định số 04/2020/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 sửa đổi Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ- TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;

- Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, mỗi nhóm sẽ để một vị trí khác nhau để đảm bảo an toàn hóa chất và có biểu tượng cảnh báo đặc trưng của nhóm;

- Bên ngoài kho có khóa và lịch xuất nhập hóa chất;
- Hóa chất dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;
- Các lô hàng không xếp sát trần kho và cao không quá 2 mét; Đảm bảo lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 mét;
- Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể.
- Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.
- Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và chuyển cho các công ty chuyên xử lý chất thải.
- Kho chứa hoá chất và các loại thuốc dùng cho hoạt động chăn nuôi sẽ được xây dựng theo đúng hướng dẫn của Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



Hình 3.9. Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, thuốc, chế phẩm sinh học

6.3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố lũ lụt, thiên tai, ngập úng

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hệ thống rãnh thu, khơi thông dòng chảy các hệ thống thoát nước; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng tại các hồ của cơ sở

- Lắp đặt biển cảnh báo xung quanh các hồ của cơ sở để tránh sự cố trơn, trượt.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

8.1. Về quy mô đầu tư

Căn cứ nhu cầu thị trường và kết quả đánh giá hiệu quả đầu tư của Chủ cơ sở trong tình hình thực tế hiện nay, quy mô đầu tư của trang trại có sự điều chỉnh cụ thể như sau:

Bảng 3.7. Bảng tổng hợp quy mô đầu tư của trang trại

STT	Nội dung	Theo hồ sơ được phê duyệt (*)	Thực tế	Lý do thay đổi, điều chỉnh
1	Quy mô chăn nuôi			
1.1	Bò thịt	200 con	-	Không hiệu quả về kinh tế
1.2	Gà thịt	60.000 con	60.000 con	
1.3	Gà đẻ trứng thương phẩm	12.000 con	12.000 con	
1.4	Gà đẻ trứng giống			
	- Gà trống	1.000 con	1.000 con	
	- Gà mái	4.000 con	4.000 con	
2	Quy mô trồng cỏ giống	5.000 m ²	-	Không hiệu quả về kinh tế
3	Quy mô trồng cây dược liệu (đinh lăng)	1.000 m ²	-	Không hiệu quả về kinh tế

Ghi chú: (*)

- Quyết định số: 1451/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND huyện Nghi Xuân về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp”

UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt chất lượng cao tại xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân;

- Quyết định số: 2073/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

8.2. Về cơ cấu, quản lý sử dụng đất

Bảng 3.8. Bảng thống kê, so sánh diện tích các hạng mục công trình so với nội dung tại Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)		
		Theo ĐTM được duyệt	Thực tế	Tăng (+); Giảm (-)
		(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
I	Các hạng mục công trình chính			
1	Nhà nuôi gà đẻ trứng	1.044	843,7	-200
2	Nhà ấp trứng + nuôi gà con	1.044	907,9	-136
3	Nhà nuôi gà mái sinh sản	1.183,2	1.208	+25
4	Nhà nuôi gà trưởng thành	1.150,5	1.177,9	+27
5	Kho thức ăn + đệm lót	348	771	+423
6	Nhà nuôi gà thịt số 1	1.131	1.087,5	-44
7	Nhà nuôi gà thịt số 2	845	971,2	+126
8	Nhà ăn + nghỉ nhân viên	190	190	0
9	Nhà chứa dụng cụ + thức ăn + sát trùng	382,8	1.509,2	+1.126
10	Nhà nuôi bò thịt số 1	3.144,18	3.269	+125
11	Nhà nuôi bò thịt số 2	1.426,8	960,2	-467
12	Nhà nuôi bò trưởng thành	1.426,8	1.257,1	-170
13	Nhà nuôi bê con	585	887,7	+303
14	Nhà xuất nhập bò	105	-	-105
15	Tháp nước bò uống	60	-	-60
16	Tháp nước xả máng	60	-	-60
II	Các hạng mục công trình phụ trợ			
1	Hồ sát trùng xe	63	-	-63
2	Đất trồng cỏ và dược liệu	6.000	-	-6.000
3	Đất trồng cỏ, cây xanh BVMT	320,1	320,1	0
4	Sân đường nội bộ	7.163,62	12.995,5	+5.832
III	Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường			
1	Hầm Biogas	375	-	-375
2	Bể tách phân	70	-	-70
3	Bể xử lý nước thải	70	-	-70
4	Nhà máy ép phân, chứa phân	98	-	-98
5	Nhà chứa, lò đốt xác gà, bê con	70	-	-70
6	Hồ lắng	500	1.600	0

7	Hồ sinh học	500		
8	Hồ thả cá	600		
9	Kho chứa chất thải rắn	28	28	0
TỔNG DIỆN TÍCH		29.984	29.984	0

Nội dung giải trình:

Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp tại thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND huyện Nghi Xuân chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số: 1451/QĐ-UBND ngày 09/7/2020; được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất tại Quyết định số: 3128/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 và phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số: 2073/QĐ-UBND ngày 13/5/2021.

Từ khi đi vào hoạt động, nhận thấy việc chăn nuôi bò thịt, trồng cây dược liệu (cây đinh lăng) và trồng cỏ giống không mang lại hiệu quả kinh tế nên Chủ cơ sở hiện nay chỉ nuôi gà thịt và gà đẻ trứng. Theo đó, một số hạng mục công trình phục vụ chăn nuôi bò thịt, trồng cây dược liệu và cỏ giống không được triển khai hoặc tạm dừng xây dựng nhằm hạn chế sự tổn kém về kinh phí đầu tư.

Xét theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan; cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường do:

- Không tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất: Đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, quy mô chăn nuôi của cơ sở chỉ có gà thịt và gà đẻ trứng.
- Có sự thay đổi về diện tích và vị trí của một số hạng mục công trình so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, tuy nhiên không làm tăng tác động xấu đến môi trường.
- Chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở ít hơn rất nhiều so với nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt trước đây, do đó làm giảm nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

8.3. Về công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Bảng 3.9. Nội dung thay đổi về công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường so với Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM

STT	Tên công trình BVMT	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Giải trình phương án điều chỉnh, thay đổi
1	Công trình xử lý nước thải	<u>- Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt:</u> + Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hàm Biogas → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bồn lọc áp lực → Khử trùng → Bể trung gian → Hồ lắng → Hồ sinh học → Hồ thả cá → Nguồn tiếp nhận (khe Nhà Miéc). + Nước tắm giặt, nấu nướng → Hàm Biogas → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bồn lọc áp lực → Khử trùng → Bể trung gian → Hồ lắng → Hồ sinh học → Hồ thả cá → Nguồn tiếp nhận (khe Nhà Miéc).	<u>- Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt:</u> Nước thải nhà vệ sinh + Nước tắm giặt, nấu nướng → Bể tự hoại → Hồ sinh học → Nguồn tiếp nhận (khe Nhà Miéc).	Không phát sinh nước thải chăn nuôi nên Chủ cơ sở đầu tư hệ thống XLNT
		<u>- Công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi:</u> Nước thải chăn nuôi + phân → Bể tách phân → Hàm Biogas → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bồn lọc áp lực → Khử trùng → Bể trung gian → Hồ lắng → Hồ sinh học → Hồ thả cá → Nguồn tiếp nhận (khe Nhà Miéc).	Không đầu tư hệ thống XLNT chăn nuôi	
2	Công trình lưu giữ, xử lý CTR CNTT	<u>- Phân bò:</u> Định kỳ 02 ngày/lần sẽ tổ chức thu gom phân. Phân bò được thu gom thủ công, đưa đến máy ép phân để ép khô, đóng bao lưu giữ tạm thời tại nhà chứa phân. Phân bò ép khô (phân hoai mục) được tận dụng để bón cho khu	Không áp dụng	Hiện nay, Chủ cơ sở không chăn nuôi bò nên không phát sinh

		đất trồng được liệu và cỏ giống, phần còn lại hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý đúng quy định.		CTR dạng này
		<u>- Xác bò, bê con và gà chết không do dịch bệnh:</u> + Đối với bò trưởng thành vì trọng lượng lớn nên sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định; + Bê con, gà chết được đem đốt tại lò đốt. Trong trường hợp lò đốt bị hư hỏng, không hoạt động được thì Chủ cơ sở sẽ liên hệ với đơn vị cung cấp lò đốt để sửa chữa, trong thời gian sửa chữa sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.	- Đối với bò, bê con: Hiện nay cơ sở không chăn nuôi. - Đối với gà chết không do dịch bệnh: Khối lượng thực tế không lớn nên được băm nhỏ, nấu chín để tận dụng làm thức ăn cho cá tại hồ nuôi phía Bắc trang trại.	- Phương án đầu tư lò đốt tốn nhiều chi phí lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng. - Khối lượng gà chết không do dịch bệnh là không lớn.
3	Công trình xử lý khí thải	<u>- Đối với khí thải từ lò đốt xác:</u> Khí thải lò đốt xác được máy hút khí hút qua buồng xử lý khí. Buồng xử lý khí vận dụng phương pháp trung hòa, dùng pec phun liên tục để trộn đều hóa chất NaOH 10% vào khí để xử lý các thành phần ô nhiễm và đảm bảo kiểm soát về mặt chất lượng và mùi hôi.	Không đầu tư	- Phương án đầu tư lò đốt tốn nhiều chi phí lắp đặt, vận hành. - Khối lượng gà chết không do dịch bệnh là không lớn.
		<u>- Đối với khí từ hầm Biogas:</u> + Lắp hệ thống đo áp suất khí sinh ra để kiểm soát để vận hành hiệu quả hệ thống hầm Biogas; + Sử dụng chế phẩm vi sinh kỵ khí bổ sung hầm Biogas nhằm tăng hiệu suất chuyển hóa chất thải, thúc đẩy quá trình tạo khí và tăng chất lượng khí CH₄	Không có	Khối lượng chất thải phát sinh từ chăn nuôi gà đã được xử lý cùng lớp đệm lót sinh học

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở thuộc đối tượng đề nghị cấp giấy phép môi trường lần đầu nên Chủ cơ sở không trình bày nội dung này trong báo cáo.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn sinh học nên Chủ cơ sở không trình bày nội dung này trong báo cáo.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại trang trại (5 người) với lưu lượng 0,75 m³/ngày.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 0,75 m³/ngày đêm, tương đương: 0,03125 m³/h.

- Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sau hồ sinh học của trang trại.

- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải sau khi xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,3): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 ÷ 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (**)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	117		
3	COD	mg/l	351		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	175,5		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	175,5		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

(*), (**): theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe Nhà Miéc, đoạn chảy qua địa phận xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Vị trí xả nước thải: Tại điểm đầu nối với nguồn tiếp nhận (sau hồ sinh học), có vị trí theo tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°) là: X = 2057384, Y = 529933.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Khí thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của trang trại bao gồm:

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, nhiên liệu sử dụng là dầu DO đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nên không phải kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp.

- Khí phân hủy sinh học tự nhiên sinh ra trong hầm biogas được đốt bằng thiết bị đốt khí dư chuyên dụng nên không yêu cầu kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp.

Do đó, cơ sở không đề nghị cấp phép cho nội dung này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn: Khu vực chuồng nuôi

- Vị trí phát sinh tiếng ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi giờ 3°) lấy theo 4 góc của khu vực chuồng nuôi:

+ $X_1 = 2057419$; $Y_1 = 529889$

+ $X_2 = 2057374$; $Y_2 = 529904$

+ $X_3 = 2057292$; $Y_3 = 529689$

+ $X_4 = 2057334$; $Y_4 = 529669$

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở không có các hoạt động dịch vụ xử lý chất thải nguy hại nên không đề xuất cấp phép nội dung này.

5. Nội dung đề nghị cấp phép cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Cơ sở không có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất nên không đề xuất cấp phép nội dung này.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở không thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải; bụi, khí thải nên không trình bày nội dung này trong báo cáo.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Theo các nội dung trình bày tại các phần trước của báo cáo, cơ sở không phát sinh nước thải chăn nuôi cần phải xử lý; nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại cải tiến Bastaf 4 ngăn.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường, điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì bể tự hoại thuộc công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Đối với nước thải

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép của cơ sở là 0,75 m³/ngày đêm, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên không phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Đối với bụi, khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên không phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục hoặc quan trắc khí thải định kỳ.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

2.3.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí : Khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt;
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: Hàng ngày;
- Quy định:

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.2. Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Vị trí : Khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: Hàng ngày;
- Quy định:

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.3. Chất thải nguy hại

- Vị trí: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hợp đồng thu gom;
- Tần suất giám sát: Hàng ngày;
- Quy định:

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.4. Chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở

Chủ cơ sở cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 năm/lần gửi về tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh, UBND huyện Nghi Xuân) trước ngày 15/01 hằng năm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 66 theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Không phát sinh kinh phí.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Hộ kinh doanh Dương Văn Việt cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan

Trong quá trình hoạt động, Hộ kinh doanh Dương Văn Việt cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác.

- Cam kết quản lý, xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác, cụ thể:

 - + Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi;

 - + Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và chuyển giao xử lý cho các đơn vị có chức năng về xử lý chất thải; đảm bảo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết không xả nước thải ra ngoài môi trường ngoài các vị trí đã đề xuất trong báo cáo này.

 - Cam kết không xả nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

- Cam kết tiếng ồn đảm bảo theo giới hạn quy định tại các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm nhằm đánh giá và kiểm soát các công trình xử lý chất thải, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở, trên cơ sở đó lập các kế hoạch phòng ngừa và xử lý kịp thời.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

- Cam kết thực hiện chương trình phòng chống sự cố môi trường và sự cố cháy nổ.
- Cam kết về việc thực hiện các biện pháp, thủ tục về bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cam kết các hoạt động của công ty chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về môi trường theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở sẽ có văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản có chấp thuận của cấp có thẩm quyền.
- Cam kết đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường như đã trình bày trong nội dung báo cáo này; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1. CÁC HỒ SƠ PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép
nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng
Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao
tại xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định 17/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định tạm thời trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND, ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của UBND huyện Nghi Xuân về việc phê duyệt sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) xây dựng khu chăn nuôi tập trung ven chân núi Mào Gà, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển chăn nuôi,

vùng chăn nuôi tập trung và Quy hoạch phát triển trang trại, vùng trang trại chăn nuôi lợn tập trung công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Văn bản số 2531/UBND-NL ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh về việc xử lý kiến nghị của UBND huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND huyện Nghi Xuân phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Cổ Đạm theo Thông tư 13/2011/TT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011;

Căn cứ Văn bản số 50/UBND ngày 24/6/2016 của UBND xã Cổ Đạm về việc ý kiến về triển khai dự án Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao trên địa bàn xã;

Căn cứ Văn bản số 33/PNN&PTNT ngày 27/6/2016 của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; Văn bản số 104/KT&HT ngày 24/6/2016 của phòng Kinh tế & Hạ tầng; Văn bản số 42/TNMT ngày 23/6/2016 của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc cho ý kiến thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đạm.

Xét đề nghị của nhà đầu tư ông Dương Văn Việt về việc đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và cam kết thực hiện dự án đầu tư Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao kèm theo Báo cáo đề xuất dự án đầu tư; đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 40/TTr-TCKH ngày 29/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao.
2. Tên nhà đầu tư: Ông Dương Văn Việt. Sinh năm 1982. Quê quán: Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 6, Phú Mỹ, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội. Điện thoại: 0902.892.191 – 0986.801.155.

3. Mục tiêu đầu tư: Dự án Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao được đầu tư nhằm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ về việc đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh, tăng lợi nhuận cho nhà đầu tư, giải quyết việc làm cho 06 lao động địa phương và tăng thu nhập cho người lao động, góp phần vào công cuộc giảm nghèo bền vững của địa phương, tăng thu ngân sách cho nhà nước nhằm phát triển, tạo ra một mô hình kinh tế bền vững, làm cơ sở chuyển

dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong vùng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

4. Quy mô đầu tư: Chăn nuôi 50 con bò cái giống lai Sind; 50 con bò giống thịt BBB F1; trồng rau, cỏ các loại phục vụ chăn nuôi.

5. Địa điểm xây dựng: Tại trang trại số 03 vùng quy hoạch chi tiết khu chăn nuôi tập trung ven chân núi Mào Gà, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Diện tích sử dụng đất: Diện tích dự kiến sử dụng 29.884 m², trong đó: Diện tích dùng để xây dựng chuồng trại 500 m², diện tích dùng để trồng cỏ 24.969 m², diện tích dùng để xây các công trình phụ trợ 2.935 m², diện tích sử dụng xây dựng nhà quản lý, đường đi, trồng cây xanh 1.480 m².

7. Ranh giới sử dụng đất:

- Phía Đông: Giáp trang trại TT6, TT7;
- Phía Tây: Giáp trang trại TT4;
- Phía Bắc: Giáp đất nông nghiệp Đồng Chầy;
- Phía Nam: Giáp trang trại TT1, TT2.

8. Hệ số sử dụng đất: 100%

9. Mật độ xây dựng: 16%

10. Công nghệ sử dụng: Nuôi nhốt kết hợp nuôi chăn thả.

11. Tổng mức đầu tư: **3.127.765.000 đồng**

Bảng chữ: (Ba tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn).

12. Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn chủ sở hữu của Nhà đầu tư

13. Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới (nhà đầu tư trực tiếp bỏ vốn ra đầu tư, quản lý).

14. Phương án quản lý, vận hành dự án: Nhà đầu tư trực tiếp quản lý và vận hành dự án. Bộ máy tổ chức, bao gồm: 6 người (01 cán bộ quản lý, vận hành dự án, 01 cán bộ thú y, kỹ thuật, 02 công nhân chăm sóc, 02 công nhân trồng cỏ).

15. Thời gian hoạt động dự án: 50 năm, kể từ ngày có Quyết định cho thuê, giao đất của cấp có thẩm quyền.

16. Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: 09 tháng, kể từ ngày có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm, cụ thể:

- Tiến độ huy động nguồn vốn đầu tư ngay sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Tiến độ thực hiện hoàn thành công tác bồi thường GPMB, quy hoạch chi tiết, hồ sơ thuê đất, bảo vệ môi trường và các hồ sơ thủ tục liên quan đến đầu tư trong vòng 03 tháng kể từ ngày có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Tiến độ thực hiện xây dựng các hạng mục công trình đưa vào hoạt động sản xuất dự kiến 06 tháng kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Giao các phòng, ban, đơn vị triển khai thực hiện một số nội dung sau đây:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cấp huyện để kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án; việc chấp hành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư dự án của nhà đầu tư.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì phối hợp với UBND xã hướng dẫn nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết mặt bằng sử dụng đất dự án; chủ trì phối hợp với các phòng, ban chuyên môn liên quan thẩm định quy hoạch chi tiết mặt bằng sử dụng đất của dự án trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt; hướng dẫn nhà đầu tư làm thủ tục, tham mưu UBND huyện cấp giấy phép xây dựng theo quy định; đồng thời kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư đảm bảo đúng quy hoạch, thiết kế kỹ thuật công trình dự án đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND xã hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thuê đất, bồi thường GPMB (nếu có), bảo vệ môi trường theo quy định; đồng thời phối hợp với UBND xã để giao đất thực địa cho nhà đầu tư kịp thời sau khi đã được cấp có thẩm quyền cho thuê đất, giao đất; tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, tuân thủ pháp luật về đất đai, môi trường và các quy định của Pháp luật trong quá trình triển khai, hoạt động dự án của nhà đầu tư.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục liên quan đến đầu tư thuộc lĩnh vực phòng quản lý; thẩm định dự án kịp thời sau khi đã được UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư; phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án đảm bảo quy mô dự án đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Ủy ban nhân dân xã Cổ Đàm và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tiến hành kiểm tra, chỉ đạo nhà đầu tư thực hiện dự án đúng tiến độ, quy mô dự án, quy hoạch đã được phê duyệt và hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục liên quan để triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Yêu cầu nhà đầu tư ông Dương Văn Việt thực hiện các nội dung sau đây:

1. Khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và tiến độ đã cam kết.

2. Thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, quy hoạch, quy mô và tiến độ đã được phê duyệt, sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước; tuân thủ pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật.

3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện khởi công, thi công xây dựng dự án sau khi đã hoàn thành các thủ tục liên quan đến đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền cho thuê đất, giao đất.

4. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm báo cáo bằng văn bản gửi UBND huyện qua phòng Tài chính - Kế hoạch về tình hình thực hiện dự án đầu

tư, gồm các nội dung: Tiến độ xây dựng dự án, vốn đầu tư thực hiện, *kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, xử lý và bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động và các nội dung liên quan của dự án.

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư:

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát, nếu nhà đầu tư không hoàn thành việc bồi thường GPMB, dự án đầu tư xây dựng các hạng mục công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định và không hoàn thành việc thuê đất, nhận bàn giao mặt bằng, khởi công, thi công xây dựng dự án thì Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm hết hiệu lực, nhà đầu tư không được nhà nước hoàn trả các chi phí đã thực hiện đối với dự án và phải chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí đã thực hiện.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính & Kế hoạch, Kinh tế & Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cổ Đạm; nhà đầu tư ông Dương Văn Việt; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH;
- Gửi văn bản giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam

QUYẾT ĐỊNH

V/v cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi và giao đất để quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện v/v chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát lập Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đạm.

Xét đơn xin thuê đất của hộ ông Dương Văn Việt và đề nghị của UBND xã Cổ Đạm tại Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 20/6/2017 về việc đề nghị cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất để thực hiện dự án;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 244/TNMT ngày 13/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho ông Dương Văn Việt thuê 29.984 m² bao gồm 25.484 m² đất được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi bàn giao lại cho UBND huyện Nghi Xuân quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch tại Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 và 4.500 m² đất bằng chưa sử dụng do UBND xã Cổ Đạm quản lý để sử dụng như sau:

+ Mục đích sử dụng đất: đất nông nghiệp khác (xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao).

+ Thời hạn sử dụng đất: 50 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất.

+ Hình thức cho thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

+ Vị trí, ranh giới được xác định theo Trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký QSD đất huyện Nghi Xuân đo vẽ ngày 12/8/2016.

Điều 2. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký QSD đất thông báo cho người được thuê đất nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;
2. Ký hợp đồng thuê đất với ông Dương Văn Việt;
3. Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa;
4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;
5. Chính lý hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận QSD đất (nếu có) của các hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện chuyển nhượng QSD đất nông nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Văn phòng Đăng ký QSD đất huyện Nghi Xuân, Chủ tịch UBND xã Cổ Đạm, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, TNMT;
- Gửi VB giấy, VB điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tiến Hưng

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 251/HĐTD

Nghi Xuân, ngày 28 tháng 7 năm 2017

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 về việc cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác;

Căn cứ Thông báo số 1581/TB-CCT ngày 26/7/2017 của Chi cục thuế huyện Nghi Xuân thông báo đơn giá thuê đất;

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại Phòng Tài nguyên và Môi trường - Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất: Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân

Do ông: Lê Vĩ Hoàng, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường - Làm đại diện.

Địa chỉ: Khối 1, thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0942.013.789

II. Bên thuê đất là:

Ông Dương Văn Việt, sinh năm 1982

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 8, ngõ 20, ngách 80, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Số CMND: 013583740; cấp ngày 19/11/2012 do Công an TP Hà Nội cấp.

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê 29.984 m² (Hai mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi bốn mét vuông) tại trang trại số 3, vùng quy hoạch chi tiết khu chăn nuôi tập trung ven chân núi Mào Gà, thôn 2, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ Trích đo địa chính số 02/2016, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nghi Xuân lập ngày 12/8/2016.

3. Thời hạn thuê đất là 50 năm (Năm mươi năm) kể từ ngày 18/7/2017 đến ngày 18/7/2067.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: đất nông nghiệp khác (xây dựng trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là: 114,6 đồng/m²/năm (bằng chữ: Một trăm mười bốn phẩy sáu đồng/một mét vuông/năm).

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 18/7/2017.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Ngân hàng nông nghiệp & PTNT, chi nhánh Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy luật của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất.

Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Bên thuê đất thực hiện đúng theo quy hoạch được phê duyệt; quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, diện tích, ranh giới được giao. Nếu sử dụng sai thì người sử dụng đất phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Bên thuê đất phải đảm bảo tiến độ thực hiện dự án như đã cam kết trong dự án đầu tư; Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất.

6. Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận.

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể.

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế nơi xác định mức thu tiền thuê đất, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Nghi Xuân nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Bên thuê đất



Dương Văn Việt

Bên cho thuê đất

**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Vĩ Hoàng



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Dương Văn Việt

Năm sinh: 1982, CMND số: 013583740

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 6, Phú Mỹ, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

CK 142723

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
súng, cắt ký bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng, Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 166, tờ bản đồ số: 39
b) Địa chỉ: Đông Mào Gà; Xã Cồ Đàm, Huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh
c) Diện tích: 29984m², (bằng chữ: hai mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác
e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 18/7/2067
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

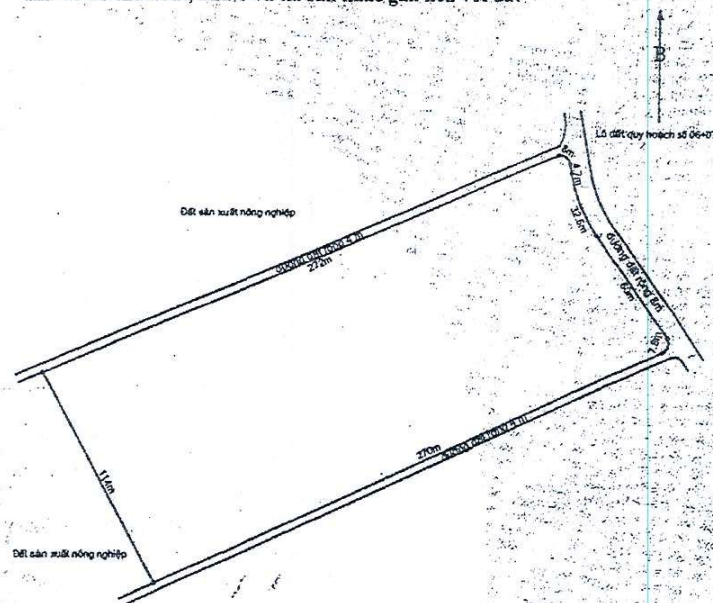
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Nghi Xuân, ngày 9 tháng 8 năm 2017
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHẠM TIẾN HƯNG



Phạm Tiến Hưng

Số vào sổ cấp GCN: CH. 02512 số: 8032 QĐ-UBND ngày 9/8/2017

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu vực du lịch - đô thị - thương mại ven biển Nghi Xuân - Lộc Hà đến năm 2040, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) xây dựng Khu chăn nuôi tập trung ven chân núi Mào Gà, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Văn bản số 1709/UBND-KT₁ ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh về việc xử lý chuyển tiếp đối với các dự án đầu tư do UBND cấp huyện chấp thuận chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND huyện phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Cổ Đạm điều chỉnh theo Thông tư số 13/2011/TT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011;

Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND huyện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Cổ Đạm;



Căn cứ Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân;

Xét đề nghị của nhà đầu tư ông Dương Văn Việt tại Văn bản đề ngày 19/6/2020 về việc đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư; phòng Tài nguyên & Môi trường tại Văn bản số 188/TNMT ngày 30/6/2020; phòng Kinh tế & Hạ tầng tại Văn bản số 140/KT&HT ngày 29/6/2020; phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Văn bản số 50/NN&PTNT ngày 30/6/2020; UBND xã Cổ Đàm tại Văn bản số 54/UBND-ĐC ngày 29/6/2020; phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm định số 279/BCTĐ-TCKH ngày 06/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

“1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao thành Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp.”

2. Điều chỉnh Khoản 3, Điều 1, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

“3. Mục tiêu đầu tư điều chỉnh lại như sau: Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp được đầu tư nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng thực phẩm cho thị trường địa bàn huyện Nghi Xuân và khu vực lân cận của tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, giải quyết việc làm và tăng nguồn thu nhập cho khoảng 20 lao động địa phương, tăng thu ngân sách cho nhà nước, tạo lập mô hình kinh tế bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong vùng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

3. Điều chỉnh Khoản 4, Điều 1, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

“4. Quy mô đầu tư điều chỉnh lại như sau: Chăn nuôi 200 con bò thịt chia đều các lứa tuổi để hàng năm có xuất chuồng; nuôi 60.000 con gà thịt theo

hướng công nghiệp; 12.000 con gà đẻ trứng thương phẩm; 5.000 con gà đẻ trứng giống (gồm: 1.000 con gà trống, 4.000 con gà mái).”

4. Điều chỉnh Khoản 6, Điều 1, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

“6. Diện tích sử dụng đất 29.984m², dự kiến phân bổ như sau:

- Diện tích nuôi gà: 14.200m², trong đó: Chuồng trại gà thịt: 7.200m², chuồng gà mái sinh sản: 2.400m², chuồng gà đẻ trứng thương phẩm: 2.400m², chuồng nuôi gà hậu bị: 1.200m², chuồng ấp trứng: 600m², nhà kho để thuốc, thức ăn, dụng cụ: 400m²;

- Diện tích nuôi bò: 5.200m², trong đó: Chuồng trại bò thịt: 4.800m², diện tích làm nhà kho để thức ăn kiêm nhà điều trị bệnh: 400m²;

- Diện tích xây dựng các công trình phụ trợ khác: 10.584 m², trong đó: Nhà điều hành kiêm văn phòng: 100,8m², nhà ở công nhân kiêm nhà bếp: 200m², khu xử lý nước thải: 250m², Ao sinh thái: 500m², khuôn viên, cây xanh, sân đường nội bộ: 9.533,2m²”.

(Diện tích xây dựng các hạng mục công trình sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch điều chỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt).

5. Điều chỉnh Khoản 9, Điều 1, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

”9. Mật độ xây dựng 65,7%”

6. Điều chỉnh Khoản 11, Điều 1, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

“11. Tổng mức đầu tư: 14.850.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng).”

7. Điều chỉnh Khoản 16, Điều 1, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

“16. Tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành các thủ tục có liên quan và xây dựng hoàn thành các hạng mục công trình trước ngày 31/12/2020.

- Đưa dự án đi vào hoạt động từ tháng 01/2021.”

8. Điều chỉnh Điều 4, Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 như sau:

“Điều 4: Thời hạn hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Đến hết ngày 31/12/2020 nếu nhà đầu tư chưa thực hiện xây dựng hoàn thành các hạng mục công trình và đưa dự án đi vào hoạt động thì UBND huyện sẽ thu hồi, hủy quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư điều chỉnh theo quy định mà không bồi thường, hoàn trả các chi phí liên quan đến các công việc đã thực hiện đối với dự án điều chỉnh.”



Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện giao:

1. Yêu cầu nhà đầu tư ông Dương Văn Việt:

a) Khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thủ tục có liên quan (lập điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án, tỷ lệ 1/500 trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh theo quy định; hoàn thiện hồ sơ thủ tục về cấp Giấy phép xây dựng kịp thời, đúng quy định; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; xây dựng các hạng mục công trình, đưa dự án đi vào hoạt động đảm bảo đúng quy định và tiến độ thực hiện dự án quy định tại Khoản 4, Điều 1, Quyết định này.

b) Chỉ được xây dựng các hạng mục công trình dự án điều chỉnh sau khi Quy hoạch điều chỉnh tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án, tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đã được cấp, các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Giao các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Kinh tế & Hạ tầng, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và UBND xã Cổ Đàm căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao quản lý nhà nước để hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư ông Dương Văn Việt triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời tham mưu, báo cáo UBND huyện xử lý các vi phạm (nếu có).

Điều 3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế & Hạ tầng, Tài nguyên & Môi trường, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Cổ Đàm; Nhà đầu tư ông Dương Văn Việt; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 03 bản gốc. Nhà đầu tư ông Dương Văn Việt được cấp 01 bản, 01 bản gửi phòng Tài chính - Kế hoạch và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân huyện.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.



Ngô Thị Duyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3128/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số chi tiết nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND huyện Nghi Xuân về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép nhà đầu tư ông Dương Văn Việt khảo sát, lập Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân.

Xét đề nghị của ông Dương Văn Việt tại Tờ trình số 12/TTr.HCT ngày 19/8/2020; của Sở Xây dựng tại Văn bản số 504/SXD-QHHT, ngày 15/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mặt bằng sử dụng đất với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp.

2. Chủ đầu tư: Hộ cá thể Dương Văn Việt.

3. Nhà thầu khảo sát xây dựng và lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng và Thương mại ATC.

4. Vị trí, ranh giới, quy mô diện tích đất quy hoạch:

- Vị trí quy hoạch: Thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân.

- Quy mô diện tích đất: 29.984m².

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp: Đường giao thông rộng 4m;

+ Phía Nam giáp: Đường giao thông rộng 4m;

+ Phía Đông giáp: Đường giao thông rộng 9m.

+ Phía Tây giáp: Đất sản xuất nông nghiệp.

5. Mục tiêu quy hoạch: Làm cơ sở pháp lý cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

6. Bố cục quy hoạch:

Bao gồm các hạng mục xây dựng: 1- Lối chính ra, vào trang trại; 2- Nhà nuôi gà đẻ trứng; 3- Nhà ấp trứng + nuôi gà con; 4- Nhà nuôi gà mái sinh sản; 5- Nhà nuôi gà trưởng thành; 6- Kho thực ăn + đệm lót; 7- Nhà nuôi gà thịt số 1; 8- Nhà nuôi gà thịt số 2; 9- Nhà ăn + nghỉ nhân viên; 10- Nhà dụng cụ + thức ăn + sát trùng; 11- Nhà nuôi bò thịt số 1; 12- Nhà nuôi bò thịt số 2; 13- Nhà nuôi bò trưởng thành; 14- Nhà nuôi bê con; 15- Khu sân chơi chuồng nuôi bò; 16- Nhà xuất nhập bò; 17- Tháp nước bò uống; 18- Tháp nước xả máng; 19- Lối riêng vào khu nuôi bò; 20- Hồ sát trùng xe; 21- Hầm Biogas; 22- Bể tách phân; 23- Bể xử lý nước thải; 23- Nhà máy ép phân, chứa phân; 25- Nhà chứa, đốt xác; 26- Hồ lắng; 27- Hồ sinh học; 28- Hồ thả cá; 29- Đất trồng cỏ và dược liệu; 30- Đất trồng cỏ, cây xanh bảo vệ.

7. Chỉ tiêu quy hoạch

- Diện tích xây dựng: 14.424m².

- Mật độ xây dựng: 48%.

- Hệ số sử dụng đất: 0,48 lần.

- Tầng cao: 1 tầng.

Điều 2. Trách nhiệm cho các cơ quan liên quan

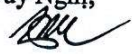
1. Sở xây dựng chỉ đạo Chủ đầu tư, chính quyền địa phương quản lý việc thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt; thu hồi Bản vẽ điều chỉnh quy hoạch tổng sử dụng đất của Dự án được UBND tỉnh phê duyệt ngày 16/3/2017.

2. Chủ đầu tư phối hợp chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan công bố quy hoạch; thực hiện cấm mốc giới quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Nghi Xuân; Chủ tịch UBND xã Cổ Đạm; ông Dương Văn Việt và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP Nguyễn Duy Nghi;
- Lưu: VT, NL. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2073 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và quy định hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp tại thôn 2, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” họp chính thức ngày 19/11/2020, Thông báo kết quả thẩm định số 4150/STNMT-MT ngày 27/11/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp tại thôn 2, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 69/CV-DVV ngày 02/4/2021 của ông Dương Văn Việt;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1663/TTr-STNMT ngày 11/5/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương

pháp công nghiệp tại thôn 2, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh” (sau đây gọi là Dự án) của Ông Dương Văn Việt (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Nghi Xuân; Chủ tịch UBND xã Cổ Đạm; Ông Dương Văn Việt (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp tại thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”
(Kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: “Trang trại chăn nuôi bò thịt truyền thống kết hợp chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp tại thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh”

1.2. Chủ đầu tư: Ông Dương Văn Việt.

- Địa chỉ liên hệ: tổ dân phố 6, Phú Mỹ, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0925.268.268

- Số CMND: 013583740, do Công an Hà Nội, cấp ngày 19/11/2012.

1.3. Phạm vi, quy mô, địa điểm thực hiện dự án:

- Dự án đầu tư tại thôn 2, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Các phía tiếp giáp khu đất dự án như sau:

+ Phía Bắc giáp: Đường giao thông rộng 04m;

+ Phía Nam giáp: Đường giao thông rộng 04m;

+ Phía Đông giáp: Đường giao thông rộng 09m;

+ Phía Tây giáp: Đất sản xuất nông nghiệp.

- Tổng diện tích khu đất quy hoạch xây dựng dự án là: 29.984m². Trong đó:

+ Diện tích đất chăn nuôi (xây dựng các chuồng nuôi + nhà chứa dụng cụ + nhà chứa thức ăn, sát trùng,...): 16.998,50m²;

+ Diện tích đất xây dựng nhà ăn + nghỉ nhân viên: 738,40m²;

+ Diện tích đất giao thông: 2.677,00m²;

+ Diện tích đất cây xanh: 6.320,10m² (trong đó: đất trồng cỏ giống là 5.000m², đất trồng được liệu là 1.000m² còn lại là đất trồng cây xanh bảo vệ môi trường);

+ Diện tích đất xử lý chất thải: 3.250,00m².

- Quy mô trang trại:

+ Quy mô chăn nuôi hàng năm: Chăn nuôi 200 con bò thịt chia đều các lứa tuổi để hàng năm có xuất chuồng và nuôi 60.000 con gà thịt theo hướng công nghiệp; 12.000 con gà đẻ trứng thương phẩm; 5.000 con gà đẻ trứng giống (1.000 con gà trống, 4.000 con gà mái).

+ Quy mô trồng cỏ giống: Diện tích 5.000m²

+ Quy mô trồng cây dược liệu (cây đinh lăng): Diện tích 1.000m².

1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

1.4.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Diện tích
1	Nhà nuôi gà đẻ trứng	m ²	1	1.044
2	Nhà ấp trứng + nuôi gà con	m ²	1	1.044
3	Nhà nuôi gà mái sinh sản	m ²	1	1.183,2
4	Nhà nuôi gà trưởng thành	m ²	1	1.150,5
5	Kho thức ăn + đệm lót	m ²	1	348
6	Nhà nuôi gà thịt số 1	m ²	1	1.131
7	Nhà nuôi gà thịt số 2	m ²	1	845
8	Nhà ăn + nghỉ nhân viên	m ²	1	190
9	Nhà chứa dụng cụ + thức ăn + sát trùng	m ²	1	382,8
10	Nhà nuôi bò thịt số 1	m ²	1	3.144,18
11	Nhà nuôi bò thịt số 2	m ²	1	1.426,8
12	Nhà nuôi bò trưởng thành	m ²	1	1.426,8
13	Nhà nuôi bê con	m ²	1	585
14	Khu sân chơi chuồng nuôi bò	m ²	-	-
15	Nhà xuất nhập bò	m ²	1	105
16	Tháp nước bò uống	m ²	1	60
17	Tháp nước xả máng	m ²	1	60

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Diện tích
1	Lối chính ra, vào trại	m	1	8
2	Lối riêng vào khu nuôi bò	m	1	7
3	Hố sát trùng xe (Khử trùng xe trước khi vào và ra khỏi khu vực nuôi bò. Là hố hình chữ nhật bằng bê tông, kích thước 9m x 7m. Tường cao 1m.	m ²	1	63
4	Đất trồng cỏ giống và dược liệu	m ²	1	6.000
5	Đất trồng cỏ, cây xanh bảo vệ môi trường	m ²	1	320,1

1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Đơn vị tính	Diện tích
1	Hệ thống mương thu gom thoát nước mưa B600	m	920	-
2	Hố ga thu gom nước 1mx1m	cái	15	-
3	Hệ thống mương thu gom nước thải B600	m	650	-
4	Đường ống thoát nước thải sinh hoạt D110	m	420	-
5	Hầm Biogas	m ²	1	375
6	Bể tách phân	m ²	1	70
7	Bể xử lý nước thải	m ²	1	70
8	Nhà máy ép phân, chứa phân	m ²	1	98
9	Nhà chứa, lò đốt xác gà, bê con	m ²	1	70
10	Hồ lắng	m ²	1	500
11	Hồ sinh học	m ²	1	500
12	Hồ thả cá	m ²	1	600
13	Kho chứa chất thải rắn	m ²	1	28

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án

2.1.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Bụi, khí thải do hoạt động thi công xây dựng, nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường, chất thải nguy hại,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải thi công xây dựng: chứa hàm lượng cặn lắng cao và một số chất độc hại trong xi măng, phụ gia bê tông, lượng phát sinh khoảng 3,0 m³/ngày.

- Nước xịt rửa xe: chứa nhiều cặn lắng và dầu mỡ, lượng phát sinh khoảng 3,0 m³/ngày.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và các vi sinh vật, lượng phát sinh khoảng 3,0 m³/ngày.

- Nước mưa chảy tràn: cuốn theo các loại đất, cát, dầu mỡ rơi vãi, vật liệu xây dựng như xi măng, vôi vữa..., lưu lượng ngày mưa lớn nhất 57,6 m³/h.

2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, mùi hôi, khí thải:

- Bụi do hoạt động thi công xây dựng.

- Khí thải từ các phương tiện vận chuyển đất bóc hữu cơ dư thừa, nguyên vật liệu, thi công xây dựng.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Đất bóc hữu cơ: 3.521m³ được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Bê tông, gạch vỡ, cọc chống gãy nát, đất cát, phế liệu sắt thép...: 11,2 tấn/giai đoạn thi công xây dựng (60 ngày).

+ Bao bì xi măng: 0,81 tấn/giai đoạn thi công xây dựng (60 ngày).

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: thực phẩm thừa, giấy báo, vỏ chai lon, túi ni lông..., khối lượng khoảng 0,90 tấn/giai đoạn thi công xây dựng (60 ngày).

2.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giẻ lau có dính dầu mỡ, hộp đựng xăng dầu nhớt, pin, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang, chất thải lẫn dầu: Ước tính khoảng 3,0 kg/tháng.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

2.2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Bụi, mùi hôi, khí thải từ chuồng trại, hệ thống xử lý nước thải, nước thải chăn nuôi, chất thải rắn chăn nuôi, chất thải nguy hại,.....

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải chăn nuôi: $25,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;
- Nước thải sinh hoạt: $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cặn bẩn ra mương thoát nước xung quanh Trang trại: lưu lượng ngày mưa lớn nhất $55,7 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, mùi hôi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển thức ăn, xuất bán sản phẩm, gà đẻ thải loại sau 1 năm nuôi, đệm lót sinh học + phân bò.
- Khí từ hầm Biogas.
- Mùi, khí thải từ khu vực chuồng nuôi, hệ thống xử lý nước thải, quá trình ép phân và đóng bao.
- Hơi Clo phát sinh từ khâu sát trùng xe.
- Khí thải từ lò đốt xác bê con và gà chết.
- Khí thải, bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải chăn nuôi:
 - + Phân gà 7.700 kg/ngày , phân bò 3.000 kg/ngày ;
 - + Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: $6,3 \text{ kg/ngày}$;
 - + Bao bì đựng kháng sinh và bao bì đựng các loại thuốc cho bò và gà: $1-2 \text{ kg/ngày}$.
- Đối với thức ăn dư thừa: $5,3 \text{ kg/ngày}$.
- Bò, bê con, gà chết không phải do dịch bệnh: Ước tính khoảng 2 con bò, bê con và khoảng 770 con gà chết không phải do dịch bệnh trong 1 năm.
- Chất thải rắn từ hoạt động trồng cỏ giống, dược liệu (gốc rễ, cành lá hư hỏng): ước tính $0,5 \text{ tấn/đợt thu hoạch}$.
- Chất thải sinh hoạt: 15 kg/ngày .

2.2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: khoảng $06-10 \text{ kg/tháng}$. Thành phần bao gồm: dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, acqui, rác thải trong quá trình chăm sóc, chữa bệnh cho vật nuôi (chai lọ đựng thuốc thú y, kim tiêm...).

2.2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Bùn bể tự hoại: $4,6 \text{ m}^3/\text{lần hút}$ (định kỳ 02 năm/lần).
- Bùn từ bể biogas: $37,5 \text{ m}^3/\text{lần hút}$ (định kỳ 02 năm/lần).
- Bùn từ quá trình xử lý nước thải: $1,0 \text{ m}^3/\text{lần hút}$ (định kỳ 06 tháng/lần).
- Lượng bùn phát sinh từ quá trình nạo vét các hồ lắng, hồ sinh học và hồ thả

cá: 160,0 m³ (định kỳ 02 năm/lần).

- Bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước: khoảng 1,5 tấn/lần (định kỳ 1 năm/lần).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

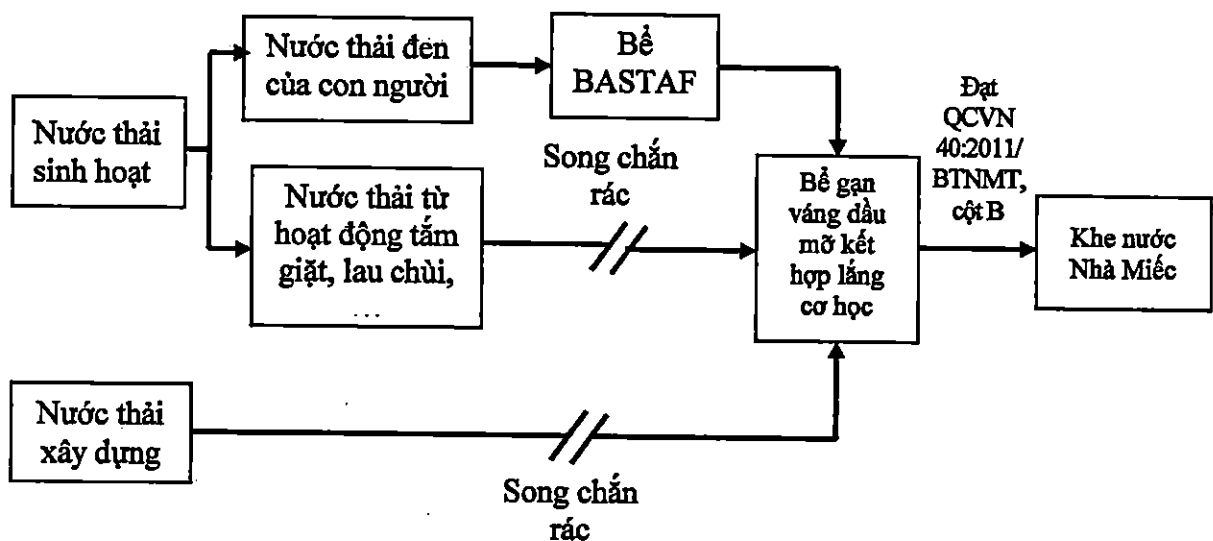
3.1. Trong quá trình thi công xây dựng công trình:

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận là khe nước Nhà Miếu.

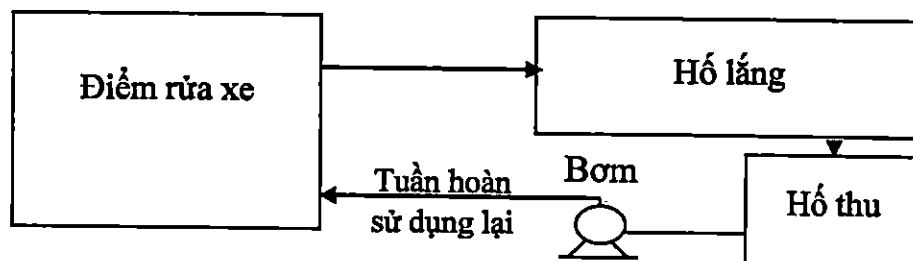
- Nước mưa chảy tràn: đào mương thu gom toàn bộ nước phát sinh khi có mưa xuống khu vực thi công. Tổ chức thu dọn sạch sẽ vật liệu xây dựng trong hoạt động thi công, trước thời điểm có mưa. Xây 1 hố lắng để lắng cặn (có thể tích khoảng 30m³, gần cống ra phía Nam của dự án), ngăn bùn đất trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là khe nước Nhà Miếu phía Đông Nam dự án.

- Nước thải xây dựng và nước thải sinh hoạt: phải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận (khe Nhà Miếu).



Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải xây dựng

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa xe: xử lý bằng phương pháp lắng cơ học, sau đó tuần hoàn sử dụng lại, không thải ra môi trường.



Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải xịt rửa xe

3.1.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Phun nước tưới ẩm 02 lần/ngày, xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường.
- Các phương tiện thi công, vận chuyển phải kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm, đăng ký tình trạng máy móc đầy đủ.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn là đất bóc hữu cơ: Chủ dự án sẽ tận dụng để đắp trồng cây xanh trong trang trại (với diện tích $6.320,1m^2$) không vận chuyển ra ngoài khu vực dự án.
- Đối với chất thải rắn xây dựng:
 - + Vỏ bao xi măng, sắt thép vụn,...: được thu gom bán phế liệu.
 - + Bê tông hỏng, vôi vữa hỏng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng,...: được tận dụng san lấp mặt bằng thi công sân nền.
 - + Ván cốp pha, cọc chống hỏng: cho người dân hoặc công nhân đưa về sử dụng.
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào thùng đựng hợp vệ sinh, định kỳ hợp đồng với Hợp tác xã môi trường xã Cổ Đàm vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

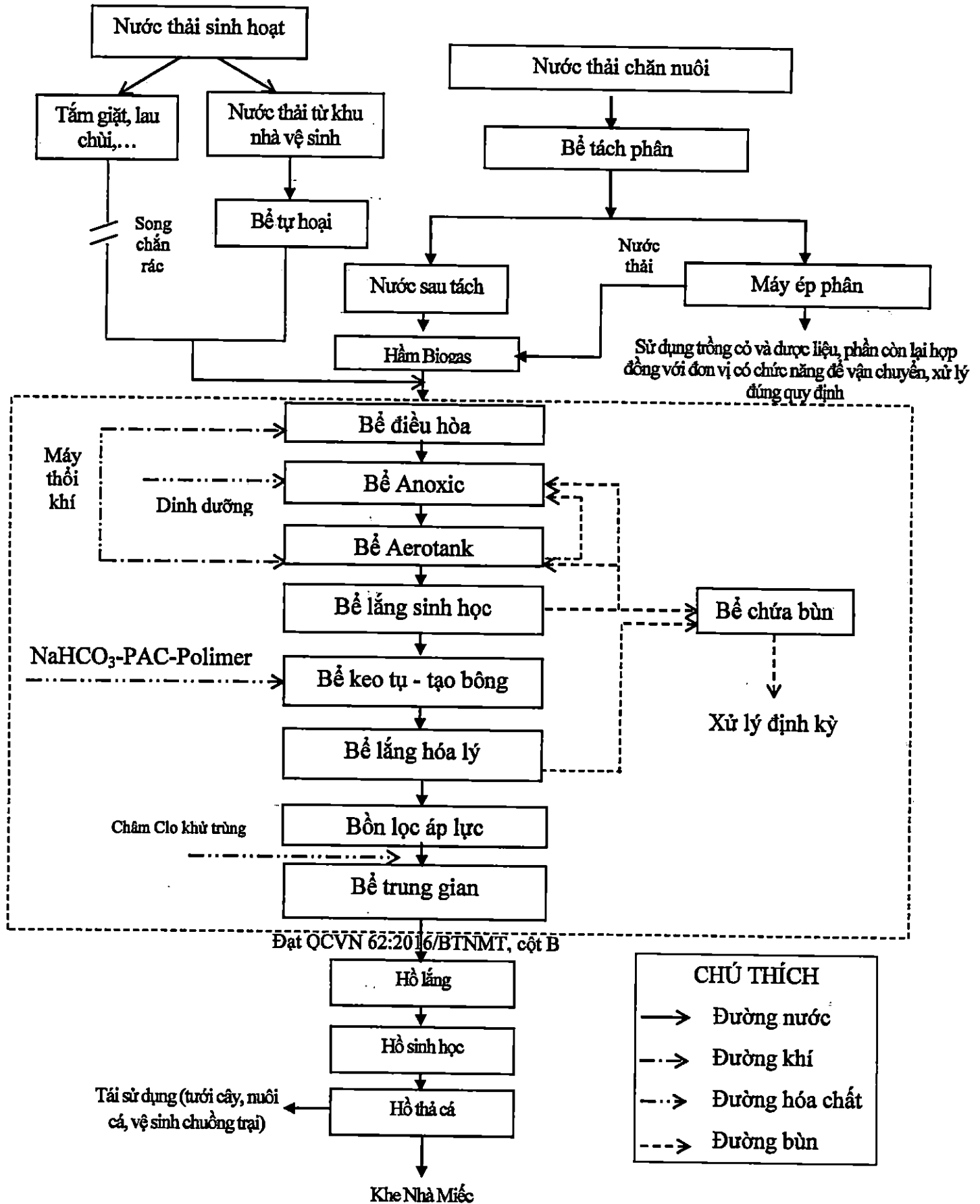
Bố trí các thùng composite có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại; hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.2. Trong quá trình dự án đi vào vận hành:

3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải.

- Nguồn tiếp nhận nước thải là khe Nhà Miéc.
- Hệ thống thu gom xử lý nước mưa được thiết kế độc lập với hệ thống thu gom xử lý nước thải.
- Nước thải chăn nuôi: xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,3$;
- Nước thải sinh hoạt: bao gồm nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được xử lý qua bể tự hoại cải tiến và nước từ quá trình tắm giặt, rửa tay chân của cán bộ, công nhân qua song chắn rác rồi tiếp tục qua hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải được thể hiện chi tiết như sau:



3.2.2. Về xử lý bụi, mùi, khí thải:

- Xử lý mùi hôi, khí thải từ các dãy chuồng nuôi, hệ thống xử lý nước thải, quá trình ép phân và đóng bao:

+ Chuồng nuôi được xây dựng kín (tường được xây gạch kín từ chân tường đến mái che), phía dưới mái tôn có lớp cách nhiệt, có thiết bị quạt hút thông thoáng;

+ Thu gom phân, rửa chuồng trại thường xuyên (đối với bò);

+ Sử dụng máy tách phân để giảm thiểu mùi hôi của phân và nước rỉ từ quá trình ủ phân;

+ Sử dụng chế phẩm sinh học BALASA N0-1, EM như Emina, TBE2, EM.ST,... để phun khử mùi hôi tại khu vực chuồng nuôi, khu vực xử lý nước thải;

+ Trồng hệ thống cây xanh trong và quanh phạm vi khu vực trang trại.

- Xử lý mùi hôi từ nhà ủ phân:

+ Sử dụng chế phẩm BALASA N0 -1, EM như Emina, TBE2, EM.ST,... giảm mùi hôi từ nhà ủ phân;

+ Bổ sung vào thức ăn của bò chế phẩm EM nhằm làm giảm mùi hôi đáng kể từ phân.

- Xử lý mùi hôi từ mương thoát nước thải:

+ Sử dụng dung dịch chế phẩm HATIMIC, BALASA N0-1, EM như Emina,... tưới chế phẩm đã pha vào mương thoát nước, hố lắng phân, nhà chứa phân để giảm mùi hôi;

+ Tuyệt đối không được để phân tràn ra bên ngoài, phân sau khi ép đưa vào ủ phải phủ bạt kín.

- Đối với khí từ hầm Biogas:

+ Lắp hệ thống đo áp suất khí sinh ra để kiểm soát và vận hành hiệu quả hệ thống hầm biogas;

+ Sử dụng chế phẩm vi sinh kỵ khí bổ sung hầm biogas nhằm tăng hiệu suất chuyển hóa chất thải, thúc đẩy quá trình tạo khí và tăng chất lượng khí CH_4 , giảm các khí đồng hành không mong muốn (như H_2S).

- Giảm thiểu khí thải từ lò đốt xác bê con, gà chết: khí thải lò đốt xác bê con và gà chết sẽ được máy hút khí hút qua buồng xử lý khí. Buồng xử lý khí vận dụng phương pháp trung hòa, dùng pec phun liên tục để trộn đều hóa chất NaOH 10% vào khí để xử lý các thành phần ô nhiễm và đảm bảo kiểm soát về mặt chất lượng và mùi hôi. Hóa chất dư sẽ được thu hồi về bồn chứa hóa chất và tuần hoàn lại pec phun. Khí lúc này đã được xử lý các thành phần ô nhiễm và đảm bảo kiểm soát về mặt chất lượng và mùi hôi.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

* **Chất thải rắn sinh hoạt:** Thu gom, tập kết về ngăn đựng chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 14m² được bố trí ở trong kho chứa chất thải rắn. Sau đó hợp đồng với Hợp tác xã môi trường Cổ Đạm vận chuyển đi xử lý theo quy định.

* **Chất thải rắn sản xuất:**

- *Bao bì, chai lọ:*

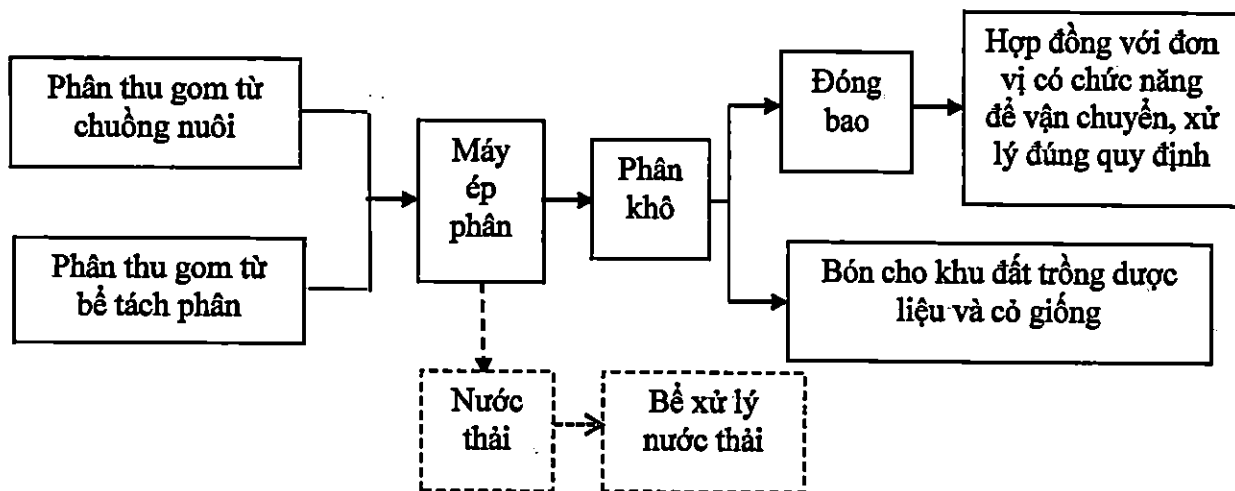
+ Bao bì đựng thức ăn được trả lại cho nhà cung cấp, hoặc tận dụng làm bao chứa phân bò sau khi ép và phân gà sau mỗi đợt nuôi.

+ Chai lọ đựng hóa chất khử trùng, thuốc thú y được thu gom, chứa trong ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 14m².

- *Phân thải:*

+ Đối với phân bò: Mỗi chuồng nuôi, định kỳ khoảng 02 lần/ngày sẽ tổ chức thu gom phân. Phân bò được thu gom thủ công, đưa đến máy ép phân để ép khô, đóng bao lưu giữ tạm thời tại nhà chứa phân. Phân bò ép khô (phân hoai mục) được tận dụng để bón cho khu đất trồng được liệu và cỏ giống, phần còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

+ Đối với phân gà: sau 01 đợt nuôi (03 tháng đối với gà thịt và 01 năm đối với gà đẻ), thu gom toàn bộ phân gà + đệm lót sinh học tại chuồng nuôi, đóng bao, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý đúng quy định. Trường hợp chưa kịp vận chuyển đi thì sẽ được lưu giữ tạm thời tại nhà chứa phân.



Quy trình ép phân

* **Đối với xác bò, bê con và gà chết không do dịch bệnh:**

- Đối với bò trưởng thành vì trọng lượng lớn nên Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của Luật Thú y, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Bê con, gà chết được đem đốt tại lò đốt. Trong trường hợp lò đốt bị hư hỏng, không hoạt động được thì Chủ dự án sẽ liên hệ với đơn vị cung cấp lò đốt để sửa chữa, trong thời gian sửa chữa sẽ hợp đồng với các đơn vị chức năng để xử lý theo đúng quy định.

*** Đối với xác bò, bê con và gà chết do dịch bệnh:**

- Khi trang trại có bò, bê con, gà bị dịch bệnh hoặc chết không rõ nguyên nhân, chủ dự án sẽ không tự xử lý mà thông báo cho cơ quan thú y biết để được đưa đi xử lý theo Luật chăn nuôi. Việc khai báo và báo cáo dịch động vật sẽ được thực hiện theo Điều 7 Mục 2 Thông tư số 07/2016-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

*** Chất thải rắn từ hoạt động trồng cỏ giống, được liệu:**

Đối với hoạt động trồng cỏ giống, được liệu: tàn dư thực vật sau khi thu hoạch như gốc rễ, cành lá hư hỏng,... không thu gom mà để phân hủy trong đất.

*** Lượng bùn cặn thải phát sinh từ quá trình nạo vét bể tự hoại, hầm biogas, hệ thống xử lý nước thải, các hồ và các mương thoát nước:**

- Đối với bùn từ bể tự hoại, hầm Biogas, hệ thống xử lý nước thải được hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước, các hồ được Chủ dự án tận dụng để bón cây trong trang trại.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Phân loại, thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại lưu giữ tại khu ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 14m² có mái che, tường kín, sàn đồ bê tông có rãnh thu gom tránh chất thải rò rỉ, có bờ bao chống tràn, bố trí tại Nhà chứa chất thải rắn; hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

3.2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

3.2.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Trong quá trình thực hiện Dự án phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế và quy hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM để giảm thiểu xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, đảm bảo an toàn trong chăn nuôi; lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, nước thải: 785m².
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 40m³/ngày đêm (kích thước 10m x 7m x 2,5m) gồm: 01 bể điều hòa có kích thước 6,6m x 1,8m x 2,5m; 01 bể Anoxic có kích thước 6,6m x 1m x 2,5m; 01 bể Aerotank có kích thước 6,6m x 2m x 2,5m; 01 bể lắng sinh học có kích thước 2m x 2m x 2,5m; 01 bể keo tụ - tạo bông có kích thước 2,2m x 2m x 2,5m; 01 bể lắng hóa lý 2m x 2m x 2,5m; 01 bể trung gian 2,2m x 2m x 2,5m; 01 bể chứa bùn có kích thước 2m x 2m x 2,5m.
- Hầm biogas: diện tích 375m², sâu 04m.
- Bể tách phân: diện tích 70m², sâu 03m.
- Các hồ: hồ lắng (diện tích 500m², sâu 3,5m), hồ sinh học (diện tích 500m², sâu 3,5m), hồ thả cá (diện tích 600m², sâu 3,5m); đáy hồ được đầm chặt, phủ bạt chống thấm, xây bờ ngăn xung quanh cao 0,5m để tránh nước mưa từ các khu vực xung quanh chảy vào.
- Nhà để máy ép phân, chứa phân: diện tích 98m² (14m x 7m).
- Nhà chứa, lò đốt xác bê con và gà chết: diện tích 70m² (10m x 7m).
- Kho chứa chất thải rắn, diện tích 28m² (7m x 4m): được bố trí 2 ngăn (1 ngăn đựng chất thải rắn sinh hoạt 14m²; 1 ngăn đựng chất thải nguy hại 14m²); có thiết bị, thùng đựng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định;
- Hệ thống xử lý bụi, mùi, khí thải: quạt hút bố trí sau các dãy chuồng nuôi.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

* Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 điểm.
- + 01 điểm tại cổng ra vào dự án.
- + 01 điểm trong khu vực thực hiện dự án.
- Các thông số giám sát (5 thông số): Độ ồn, Bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (trong thời gian thi công xây dựng).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh); QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn).

* Giám sát nước thải xây dựng:

- Vị trí giám sát: 02 điểm.
- + 01 điểm trước hệ thống xử lý nước thải trên công trường;
- + 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải trên công trường.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (trong thời gian thi công xây dựng).

- Các thông số giám sát (12 thông số): pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Tổng Nitơ, Tổng phot pho (tính theo P), Amoni (tính theo N), sắt, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Sunfua, Clorua.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$.

** Giám sát chất lượng môi trường nước mặt*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại khe Nhà Miéc (tại khe sau khi tiếp nhận nước thải đã xử lý từ dự án, cách điểm xả khoảng 20m).

- Các thông số giám sát (13 thông số): pH, Ôxy hòa tan (DO), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni (NH_4^+ tính theo N), Nitrit (NO_2^- tính theo N), Nitrat (NO_3^- tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P), Sắt (Fe), Clorua (Cl), tổng dầu, mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (trong thời gian thi công xây dựng).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B₁.

** Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập kết chất thải rắn.

- Nội dung giám sát: Khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết các loại chất thải rắn phát sinh.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên hàng ngày.

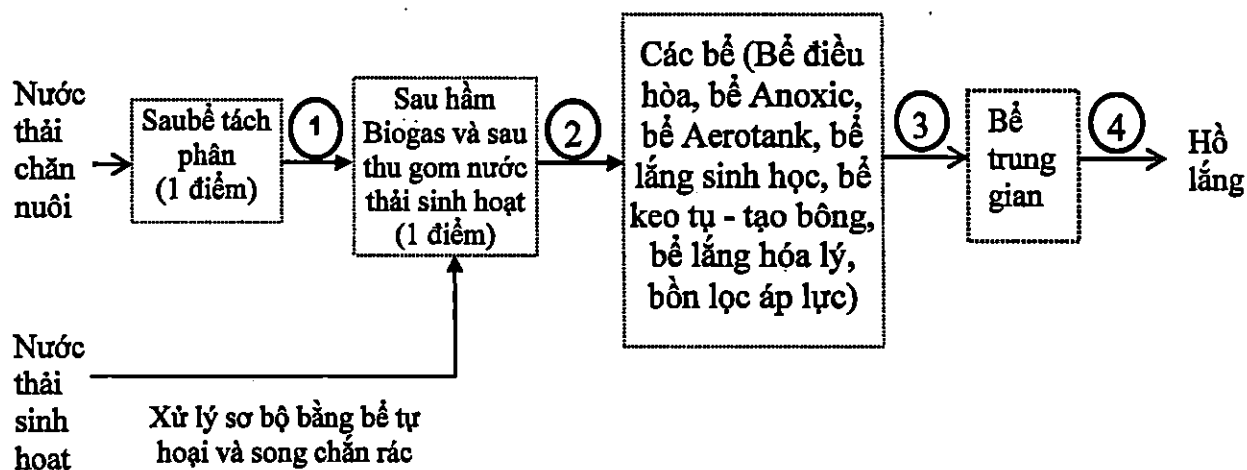
5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

a. Nước thải

a₁. Quan trắc chất lượng nước thải:

❖ *Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải (75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm):*

** Vị trí lấy mẫu và thông số phân tích:*



- Vị trí 1: 01 điểm nước thải chẵn nuôi (sau bể tách phân, trước khi vào hầm biogas); phân tích (02 thông số): pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

- Vị trí 2 (trước Bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung), gồm:

+ 01 điểm nước thải sinh hoạt; phân tích (11 thông số): pH, BOD₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) tính theo N, Dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

+ 01 điểm nước thải chẵn nuôi sau hầm Biogas; phân tích (6 thông số): pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform.

- Vị trí 3: Nước thải chung sau khi ra khỏi bồn lọc áp lực, trước khi vào bể trung gian; phân tích (6 thông số): pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform.

- Vị trí 4: Nước thải sau khi ra khỏi bể trung gian của hệ thống XLNT tập trung, trước khi chảy vào hồ lắng; phân tích (6 thông số): pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform.

* Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chẵn nuôi (cột B) với K_q=0,9, K_f = 1,3. Riêng nước thải sinh hoạt tại vị trí số 2 so sánh Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT (K = 1,2).

* Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần lấy và phân tích mẫu tổ hợp tại các vị trí trên.

❖ *Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh)*

* Vị trí lấy mẫu và thông số phân tích:

- Vị trí 1: Nước thải sau bể tách phân (trước khi vào hầm biogas); phân tích (6 thông số): pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform.

- Vị trí 4: Nước thải sau bể trung gian của hệ thống XLNT tập trung, trước khi chảy vào hồ lắng; phân tích (06 thông số): pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform.

* Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chẵn nuôi (cột B) với K_q=0,9, K_f = 1,3.

* Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp.

a₂. Quan trắc lưu lượng nước thải:

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), trong đó:

+ 02 điểm đầu vào, gồm: 1 điểm nước thải chẵn nuôi (sau bể tách phân, trước khi vào hầm biogas); 01 điểm nước thải sinh hoạt (tại vị trí 2, trước Bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung);

+ 01 điểm đầu ra (tại vị trí 4, sau bể trung gian của hệ thống XLNT tập trung, trước khi chảy vào hồ lắng).

- Tần suất, thông số quan trắc: ghi chép lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ng.đ}$).

b. Khí thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống khói lò đốt xác.

- Thông số phân tích (5 thông số): Nhiệt độ, bụi lơ lửng, NO_2 , SO_2 , CO.

- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần trong 75 ngày đầu, 01 ngày/lần đối với 7 ngày kế tiếp trong tổng thời gian vận hành.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B).

5.3. Giai đoạn vận hành dự án

a. Nước thải

* Giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ 01 mẫu nước thải sau bể tách phân (trước khi vào hầm biogas);

+ 01 mẫu nước thải sau khi ra khỏi bể trung gian của hệ thống XLNT tập trung trước khi chảy vào hồ lắng.

- Các thông số giám sát: (06 thông số): pH, BOD_5 , COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT đối với nước thải chăn nuôi ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$).

* Quan trắc lưu lượng nước thải:

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), trong đó:

+ 02 điểm đầu vào, gồm: 01 điểm nước thải chăn nuôi (sau bể tách phân, trước khi vào hầm biogas); 01 điểm nước thải thải sinh hoạt (tại vị trí 2, trước Bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung);

+ 01 điểm đầu ra (tại vị trí 04, sau bể trung gian của hệ thống XLNT tập trung, trước khi chảy vào hồ lắng).

- Tần suất, thông số quan trắc: ghi chép lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ng.đ}$).

b. Khí thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống khói lò đốt.

- Thông số giám sát (05 thông số): nhiệt độ, bụi lơ lửng, NO_2 , SO_2 , CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30: 2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B).

c. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại khe Nhà Miéc (tại khe sau khi tiếp nhận nước thải đã xử lý từ dự án, cách điểm xả khoảng 20m).

- Thông số (13 thông số): pH, Ôxy hòa tan (DO), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Sắt (Fe), Clorua (Cl⁻), tổng dầu, mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B₁.

d. Giám sát chất thải rắn

- Chất thải chăn nuôi:

+ Vị trí giám sát: 10 vị trí tại 10 nhà nuôi gà, bê con và bò; 01 vị trí tại nhà chứa phân.

+ Thông số giám sát: Khối lượng phân kg (đối với chuồng nuôi bò, bê con giám sát hàng ngày; đối với chuồng nuôi gà giám sát khối lượng khi mỗi lần thay đệm lót).

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Vị trí giám sát: Tại nhà ăn + nghỉ nhân viên và tại Kho chứa chất thải rắn.

+ Thông số giám sát: Khối lượng chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế (kg/ngày); khối lượng chất thải sinh hoạt không có khả năng tái chế (kg/ngày).

+ Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Chất thải nguy hại:

+ Vị trí giám sát: Khu vực kho chứa chất thải rắn.

+ Thông số giám sát: Khối lượng chất thải nguy hại (kg/ngày).

+ Tần suất giám sát: Thường xuyên.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

6.2. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan

quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

6.3. Thực hiện nghiêm túc các nội dung đã cam kết với địa phương và các hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án; hằng năm phối hợp với địa phương thực hiện nạo vét khe suối nơi tiếp nhận nước thải từ trang trại để lưu thông dòng chảy khu vực dự án, đảm bảo không gây ngập úng cục bộ.

6.4. Đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án (nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn ...) về Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm (theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) để kiểm tra vận hành thử nghiệm và thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 16b thuộc Khoản 9 và Điều 17 thuộc Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP trước khi đi vào vận hành chính thức.

6.5. Hằng năm phải xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12 của năm trước để theo dõi, giám sát. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản được chấp thuận của UBND tỉnh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Văn phòng công chứng Hồng Lam, số 160, đường Lê Duẩn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, chúng tôi gồm có:

BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A):

Ông **DUƠNG VĂN VIỆT**, sinh năm: 1982

Chứng minh nhân dân số: 013583740 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2012

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố 6, Phú Mỹ, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (BÊN B):

Ông **LÊ KHẮC THÁI**, sinh năm: 1982,

Chứng minh nhân dân số 182518234 do công an Nghệ An cấp ngày 17/01/2009

Hộ khẩu thường trú tại: xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Hai bên cùng nhau lập và ký bản Hợp đồng này nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. CĂN CỨ ỦY QUYỀN

Hiện tại Bên A là chủ sở hữu và chủ sử dụng hợp pháp của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: **Đông Mào Gà, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh** theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số **CK 142723**” số: CH 00512, số 3032 QĐ-UBND do UBND huyện Nghi Xuân cấp ngày 09/8/2017 mang tên ông Dương Văn Việt; và hợp đồng thuê đất số 251/HĐTD được ký kết ngày 26/7/2017 giữa Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân và ông Dương Văn Việt.

Nay Bên A ủy quyền cho Bên B thực hiện các công việc ghi tại Điều 2 dưới đây.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B được toàn quyền thay mặt và nhân danh Bên A làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan, làm các thủ tục pháp lý và ký các giấy tờ cần thiết có liên quan đến Bất động sản và hợp đồng thuê ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này để thực hiện các việc sau:

- Thực hiện tiếp dự án xây dựng công trình và các hạng mục khác thuộc dự án trang trại chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt cao sản chất lượng cao tại xã **Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh** mà Bên ủy quyền đang thực hiện và những việc phát sinh từ bản Hợp đồng thuê đất nói trên.
- Được nhận mặt bằng để thực hiện công trình nói trên khi được bàn giao;
- Được quản lý, sử dụng tài sản sau khi đã hoàn thành công trình xây dựng theo dự án;
- Ký hợp đồng điện, nước, điện thoại và hợp đồng khác phát sinh trong quá trình sử dụng Bất động sản;
- Làm thủ tục, ký giấy tờ liên quan đến nội dung được ủy quyền.
- Được quyền bán, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp đối với tài sản trên đất sau khi đã xây dựng và hoàn thiện theo dự án đã được phê duyệt.

ĐIỀU 3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

- *Bên A có các nghĩa vụ sau đây:*
- Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để Bên B thực hiện công việc;



- Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi uỷ quyền;

- **Bên A có các quyền sau đây:**

- Yêu cầu Bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc thuộc phạm vi uỷ quyền nêu trên;

ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

- **Bên B có các nghĩa vụ sau đây:**

- Thực hiện công việc theo uỷ quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó;

- Bảo quản, giữ gìn tài liệu, phương tiện đã được giao để thực hiện việc uỷ quyền;

- Chịu trách nhiệm nộp lệ phí công chứng Hợp đồng uỷ quyền này

- **Bên B có các quyền sau:**

- Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện công việc được uỷ quyền;

ĐIỀU 5. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

- Trong mọi trường hợp Bên được uỷ quyền phải có trách nhiệm thực hiện đúng những điều quy định tại Hợp đồng này và tuân theo các quy định của pháp luật khi thực hiện việc uỷ quyền nói trong bản Hợp đồng này;

- Bên được uỷ quyền đồng ý nhận thực hiện và chỉ nhân danh Bên uỷ quyền để thực hiện các việc được uỷ quyền nói trên;

- Bên uỷ quyền cam đoan việc uỷ quyền nói trên không nhằm trốn tránh một nghĩa vụ tài sản nào và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc do Bên được uỷ quyền thực hiện trong phạm vi nội dung được uỷ quyền;

- Bên uỷ quyền cam đoan ngoài bản Hợp đồng uỷ quyền này Bên uỷ quyền chưa ký bất kỳ một văn bản uỷ quyền nào khác với bất kỳ một người nào khác.

ĐIỀU 6. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Thời hạn uỷ quyền là **20** (bằng chữ: Hai mươi) năm kể từ ngày ký Hợp đồng này hoặc chấm dứt trước thời hạn theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. CHẾ ĐỘ THỦ LAO

Bên uỷ quyền không phải trả thù lao cho bên nhận uỷ quyền khi thực hiện Hợp đồng này.

ĐIỀU 8. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng uỷ quyền mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. CAM KẾT CHUNG

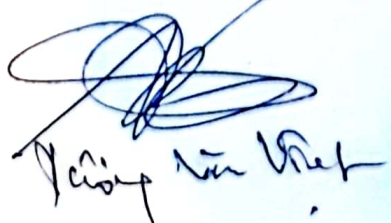
Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã ghi trong bản hợp đồng này và những điều khoản đã được ghi trong mục 13, chương XVI, phần thứ ba Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hai bên đã tự đọc lại nguyên văn bản Hợp đồng này, hiểu rõ nội dung và ký tên dưới đây để làm bằng chứng.

Hợp đồng uỷ quyền này được lập thành 03 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A)

(ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)

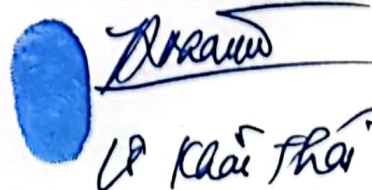

Trương Văn Việt



Chết

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (BÊN B)

(ký, điểm chỉ và ghi rõ họ tên)


Lê Khắc Thái

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 29 tháng 4 năm 2020 (Ngày hai mươi chín, tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi) tại trụ sở Văn phòng Công chứng Hồng Lam.

Địa chỉ: Số 160, đường Lê Duẩn, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh.

Tôi: Nguyễn Tất Uyên - Công chứng viên Văn phòng Công chứng Hồng Lam tỉnh Hà Tĩnh:

CHỨNG NHẬN:

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Được giao kết giữa:

I. Bên ủy quyền (Bên A):

Ông **DƯƠNG VĂN VIỆT**, sinh năm: 1982

Chứng minh nhân dân số: 013583740 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2012

Hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố 6, Phú Mỹ, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

II. Bên được ủy quyền (Bên B):

Ông **LÊ KHẮC THÁI**, sinh năm: 1982,

Chứng minh nhân dân số 182518234 do công an Nghệ An cấp ngày 17/01/2009

Hộ khẩu thường trú tại: xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết Hợp đồng ủy quyền này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết Hợp đồng ủy quyền có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của Hợp đồng ủy quyền này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ dự thảo Hợp đồng ủy quyền này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo Hợp đồng ủy quyền. Các bên đã ký và điểm chỉ vào Hợp đồng ủy quyền này trước mặt tôi.
- Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 04 bản chính (mỗi bản chính gồm có 03 tờ, 03 trang trong đó có 01 trang làm lời chứng, có giá trị pháp lý như nhau, giao cho các bên 03 bản, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Hồng Lam, tỉnh Hà Tĩnh)

Số công chứng: 851 quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD



PHỤ LỤC 2. CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

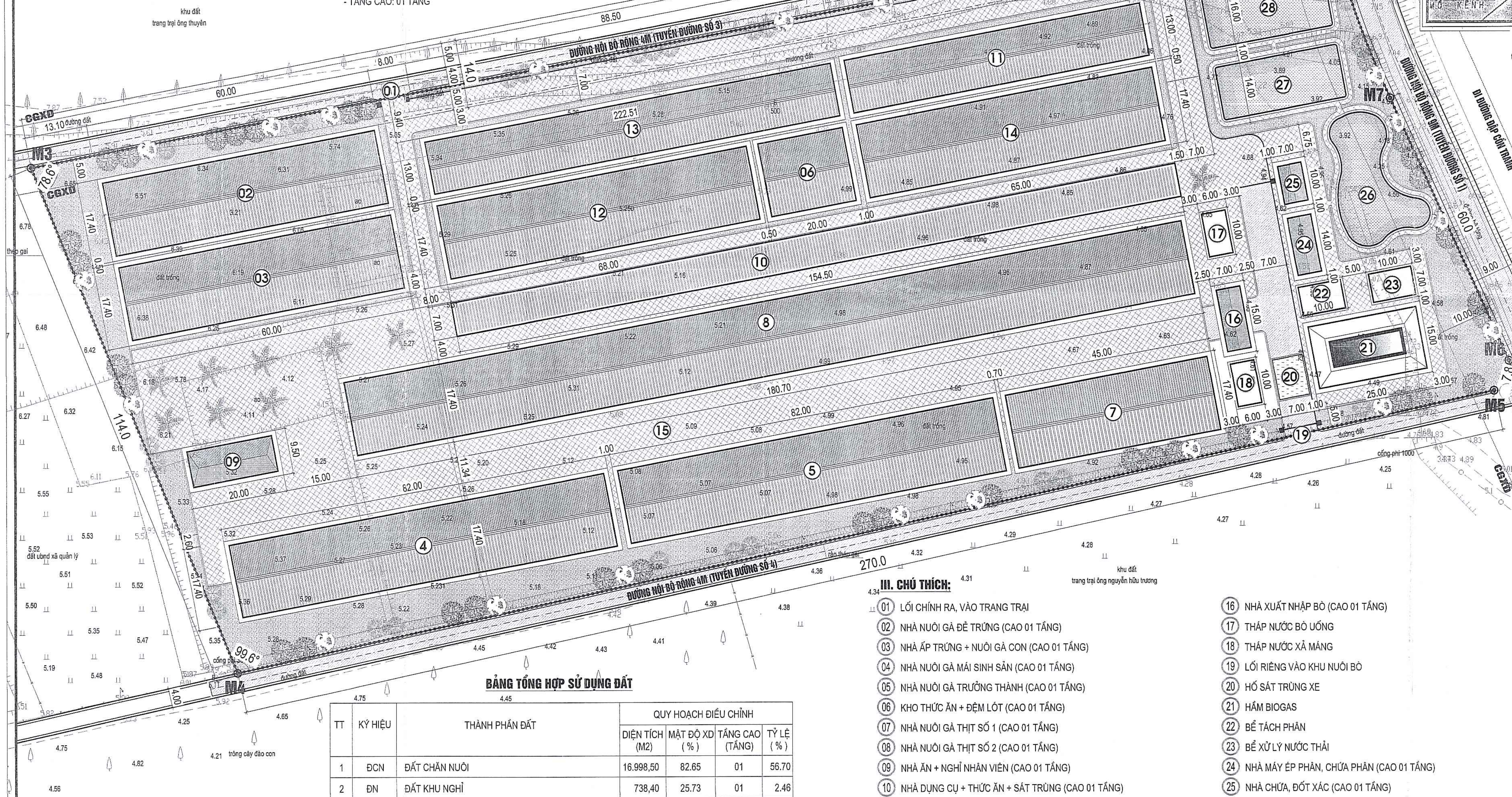
CHỦ ĐẦU TƯ: DƯƠNG VĂN VIỆT
DỰ ÁN: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRUYỀN THỐNG KẾT HỢP CHĂN NUÔI GÀ THEO PHƯƠNG PHÁP CÔNG NGHIỆP
KHU CHĂN NUÔI TẬP TRUNG VEN CHÂN NÚI MÀO GÀ
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
ĐỊA ĐIỂM: TẠI THÔN 2, XÃ CỔ ĐẠM, HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

I. VỊ TRÍ KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH:

KHU ĐẤT QUY HOẠCH NẸM TẠI THÔN 2, XÃ CỔ ĐẠM, HUYỆN NGHI XUÂN
CÓ CÁC PHÍA TIẾP GIÁP CỤ THỂ NHƯ SAU:
- PHÍA BẮC GIÁP: ĐƯỜNG GIAO THÔNG RỘNG 4M;
- PHÍA NAM GIÁP: ĐƯỜNG GIAO THÔNG RỘNG 4M;
- PHÍA ĐÔNG GIÁP: ĐƯỜNG GIAO THÔNG RỘNG 8M;
- PHÍA TÂY GIÁP: ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP.

II. CHỈ TIÊU QUY HOẠCH:

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT LÁ: 29.984,00 M²
(ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI ĐƯỜNG NỐI CÁC ĐIỂM LIÊN TIẾP NHAU M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 VÀ M1)
THEO QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT SỐ CK 142723, THỨA ĐẤT SỐ 166, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 39, THUỘC XÃ CỔ ĐẠM,
HUYỆN NGHI XUÂN ĐƯỢC UBND HUYỆN CẤP NGÀY 09/08/2017, SỐ VÀO SỔ CẤP CH 00512.
- TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 14.434,28 M²
- DIỆN TÍCH KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI: 3.250,00 M²
- DIỆN TÍCH SẢN DƯỠNG NỘI BỘ + CÂY XANH: 12.299,72 M²
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 48,14 %
- TẦNG CAO: 01 TẦNG

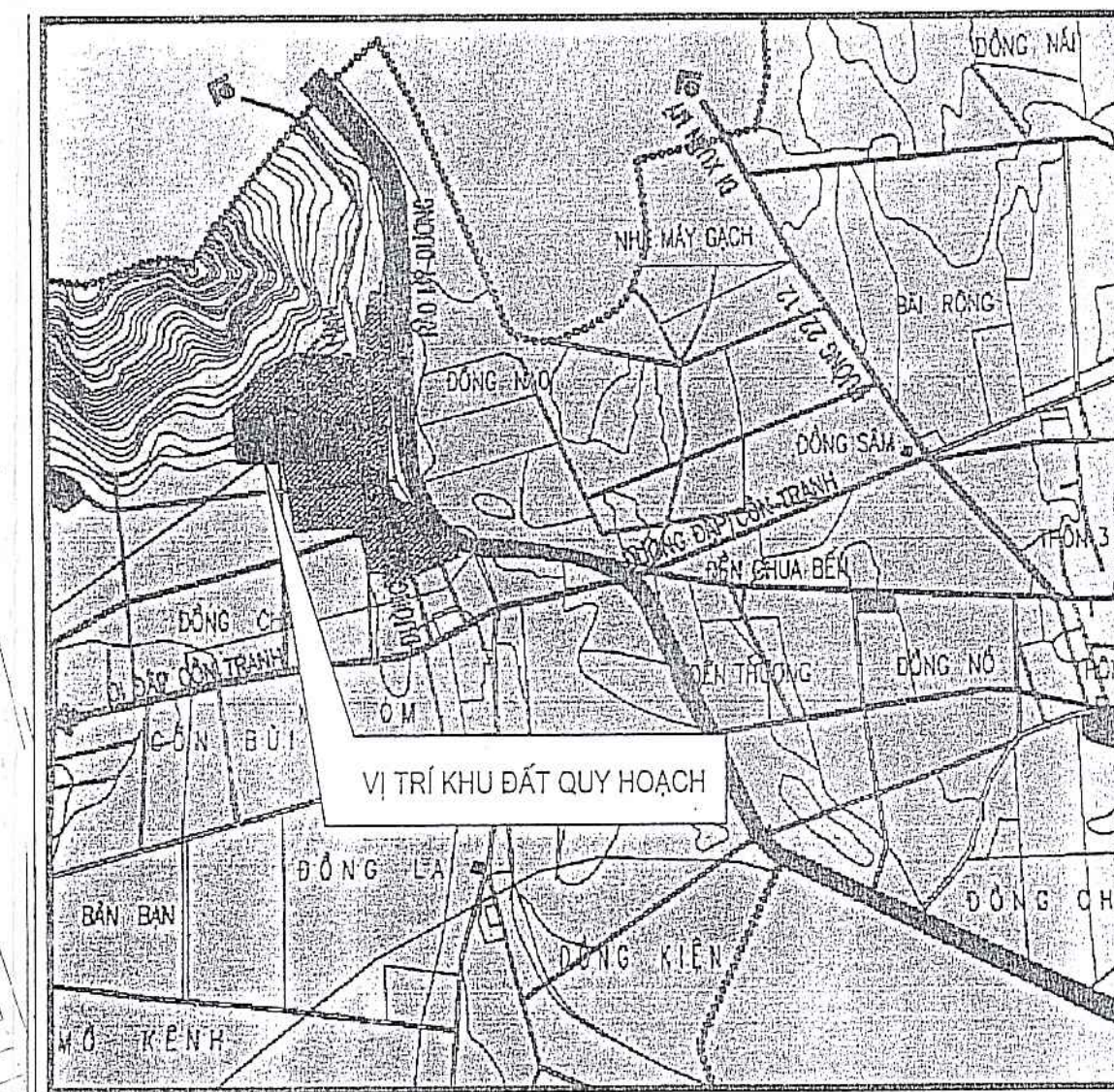


BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

TT	KÝ HIỆU	THÀNH PHẦN ĐẤT	QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH			
			DIỆN TÍCH (M ²)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO (TẦNG)	TỶ LỆ (%)
1	ĐCN	ĐẤT CHĂN NUÔI	16.998,50	82,65	01	56,70
2	ĐN	ĐẤT KHU NGHỈ	738,40	25,73	01	2,46
3	ĐGT	ĐẤT GIAO THÔNG	2.677,00	-	-	8,92
4	ĐCX	ĐẤT CÂY XANH	6.320,10	-	-	21,08
5	XLT	ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI	3.250,00	-	-	10,84
		TỔNG	29.984,00			100,00

III. CHÚ THÍCH:

- LỐI CHÍNH RA, VÀO TRANG TRẠI
- NHÀ NUÔI GÀ ĐẼ TRÙNG (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ ẤP TRÙNG + NUÔI GÀ CON (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI GÀ MÁI SINH SẢN (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI GÀ TRƯỞNG THÀNH (CAO 01 TẦNG)
- KHO THỨC ĂN + ĐỆM LÓT (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI GÀ THỊT SỐ 1 (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI GÀ THỊT SỐ 2 (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ ĂN + NGHỈ NHÂN VIÊN (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ DỤNG CỤ + THỨC ĂN + SÁT TRÙNG (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI BÒ THỊT SỐ 1 (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI BÒ THỊT SỐ 2 (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI BÒ TRƯỞNG THÀNH (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ NUÔI BÊ CON (CAO 01 TẦNG)
- KHU SÂN CHƠI CHUỒNG NUÔI BÒ
- NHÀ XUẤT NHẬP BÒ (CAO 01 TẦNG)
- THÁP NƯỚC BÒ UỐNG
- THÁP NƯỚC XẢ MẮNG
- LỐI RIÊNG VÀO KHU NUÔI BÒ
- HỒ SÁT TRÙNG XE
- HẦM BIOGAS
- BỂ TÁCH PHÂN
- BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- NHÀ MÁY ÉP PHÂN, CHỨA PHÂN (CAO 01 TẦNG)
- NHÀ CHỨA, ĐỐT XÁC (CAO 01 TẦNG)
- HỒ LẮNG
- HỒ SINH HỌC
- HỒ THẢ CÁ
- ĐẤT TRỒNG CỎ GIỐNG VÀ DƯỢC LIỆU
- ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT QUY HOẠCH

CƠ QUAN CHẤP THUẬN	UBND TỈNH HÀ TĨNH
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH
CƠ QUAN THỎA THUẬN	UBND HUYỆN NGHI XUÂN
CHỦ ĐẦU TƯ	HỌ CẢ THỂ CHỦ HỘ <i>Đỗ Văn Hải</i> <i>Đỗ Văn Hải</i>
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ THỊT TRUYỀN THỐNG KẾT HỢP CHĂN NUÔI GÀ THEO PHƯƠNG PHÁP CÔNG NGHIỆP ĐỊA ĐIỂM: TẠI THÔN 2, XÃ CỔ ĐẠM, HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH	
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT	
BẢN VẼ: GH-02	GHÉP 1XA1
CHỦ TRÌ	KTS. NGÔ VĂN YÊM
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN QUANG HẢI
THỂ HIỆN	KTS. NGUYỄN QUANG HẢI
GL. KỸ THUẬT	KTS. PHAN TUẤN DŨNG
P. GIÁM ĐỐC <i>NGÔ VĂN YÊM</i> CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ATC	